

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính
sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi
chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 5 năm 2025 và bãi bỏ các Quyết định sau:

- Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Quyết định số 4193/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Các nội dung thủ tục hành chính về cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, trả lại, cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển tại Quyết định số 1299/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TN&MT thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các Thứ trưởng;
các Vụ, Văn phòng Bộ, Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Báo Nông nghiệp và Môi trường;
- Liên đoàn thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, BHDVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Minh Ngân

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1) Thủ tục hành chính cấp Trung ương

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.009480	Công nhận khu vực biển cấp Bộ	Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ	Biển và hải đảo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.004512	Giao khu vực biển	Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ	Biển và hải đảo	
3	1.004520	Gia hạn Quyết định	Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của	Biển và hải đảo	

		giao khu vực biển	Chính phủ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ		
4	1.004333	Trả lại khu vực biển	Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ	Biển và hải đảo	
5	2.001745	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển	Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ	Biển và hải đảo	
6	1.000801	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp Trung ương)	Luật tài nguyên môi trường biển và hải đảo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ	Biển và hải đảo	
7	1.002048	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp	Luật tài nguyên môi trường biển và hải đảo	Biển và hải đảo	

		Trung ương)	Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ		
8	1.002025	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp Trung ương)	Luật tài nguyên môi trường biển và hải đảo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ	Biển và hải đảo	
9	1.001658	Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp Trung ương)	Luật tài nguyên môi trường biển và hải đảo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ	Biển và hải đảo	
10	1.001631	Cấp lại giấy phép nhận chìm (cấp Trung ương)	Luật tài nguyên môi trường biển và hải đảo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ	Biển và hải đảo	

2) Thủ tục hành chính cấp tỉnh có biển

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.005401	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển
2	1.004935	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ	Biển và hải đảo	
3	1.005399	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)	Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ	Biển và hải đảo	

4	1.005400	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ	Biển và hải đảo	
5	1.009481	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh	Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ	Biển và hải đảo	
6	1.005189	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Luật tài nguyên môi trường biển và hải đảo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ	Biển và hải đảo	
7	2.000472	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Luật tài nguyên môi trường biển và hải đảo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ	Biển và hải đảo	

8	1.000969	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	Luật tài nguyên môi trường biển và hải đảo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ	Biển và hải đảo	
9	1.000942	Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	Luật tài nguyên môi trường biển và hải đảo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ	Biển và hải đảo	
10	2.000444	Cấp lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	Luật tài nguyên môi trường biển và hải đảo Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ	Biển và hải đảo	

3) Thủ tục hành chính cấp huyện có biển

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.009483	Giao khu vực biển cấp huyện	Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ	Biển và hải đảo	Ủy ban nhân dân cấp huyện có biển
2	1.009484	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cấp huyện	Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ	Biển và hải đảo	
3	1.009485	Trả lại khu vực biển cấp huyện	Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ	Biển và hải đảo	
4	1.009486	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cấp huyện	Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của	Biển và hải đảo	

			Chính phủ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ		
5	1.009482	Công nhận khu vực biển cấp huyện	Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ	Biển và hải đảo	

PHẦN II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
BIỂN VÀ HẢI ĐẢO THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

I. Thủ tục hành chính cấp trung ương

1. Công nhận khu vực biển (mã số TTHC: 1.009480)

1.1. Trình tự thực hiện

1.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây viết tắt là VPMC). Địa chỉ: số 10 đường Tôn Thất Thuyết, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức VPMC có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả Phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP). Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, VPMC hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

1.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tham mưu với Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan hoặc ban hành văn bản lấy ý kiến đơn vị trong Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

1.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ra quyết định công nhận khu vực biển bằng Quyết định giao khu vực biển. Trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: VPMC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

1.2. Cách thức thực hiện

1.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho VPMC.

1.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại VPMC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

1.3.1. Thành phần hồ sơ

- Bản chính Đơn đề nghị công nhận khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

- Bản chính hợp đồng cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP; bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử văn bản có chứng thực cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

- Bản chính Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được lập theo Mẫu số 12 (được bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

- Bản chính Bản đồ khu vực biển được lập theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết

1.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, VPMC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, VPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, VPMC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, VPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

1.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ;

b) Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh nơi có khu vực biển và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản: không quá 15 ngày làm

việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ;

c) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 10 ngày;

d) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

1.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình hồ sơ.

1.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

1.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ, đơn vị có liên quan.

1.6.3. Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực biển và cơ quan có liên quan.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP); trường hợp không công nhận khu vực biển phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị công nhận khu vực biển
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

1.10.1. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định số 11/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành; tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định số 11/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành;

1.10.2. Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP;

1.10.3. Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Thông tư số 18/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số ... cấp ngày ... tháng ... năm ... thay đổi lần ... (nếu thay đổi) ngày ... tháng ... năm ... hoặc Đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... năm ... (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... căn cước công dân; căn cước hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được công nhận khu vực biển tại xã ..., huyện..., tỉnh ...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị công nhận: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ...; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m được thể hiện trên bản đồ/sơ đồ khu vực biển.

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

(Tên tổ chức, cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan.

....., ngày ... tháng ... năm

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LÀM ĐƠN

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

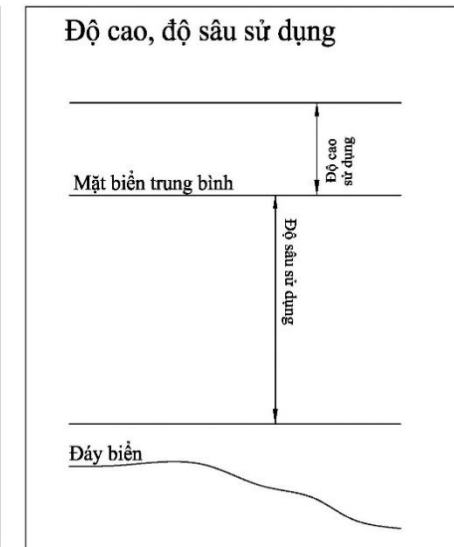
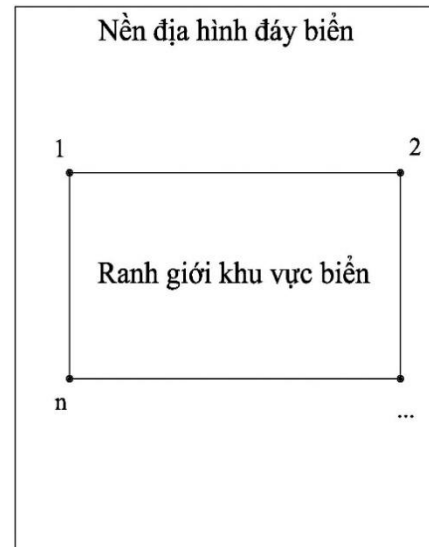
Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

 Khu vực biển sử dụng

 Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

 Đường 3 hải lý (nếu có)  Đường 6 hải lý (nếu có)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BNNMT

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG.

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ....m đến....m được giới hạn bởi.....

điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

2. (Tên tổ chức, cá nhân) ... có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển đối với phần diện tích ... ha/m² được phép trả lại cho đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà

nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số... ngày... tháng... năm... (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại một phần khu vực biển).

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam,...(tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNNMT/CBHDVN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao;
- Bộ, ngành/sở, ban, ngành/phòng, ban, cơ quan có liên quan;
- Sở TNMT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Các căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quyết định giao khu vực biển chỉ ghi các văn bản liên quan trực tiếp đến cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển. Có thể bổ sung thêm các căn cứ là văn bản liên quan trực tiếp đến việc ban hành quyết định cho phù hợp.

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VĂN PHÒNG TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả

...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu
mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin Một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyên kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

2. Giao khu vực biển (Mã số TTHC: 1.004512)

2.1. Trình tự thực hiện

2.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho VPMC. Địa chỉ: số 10 đường Tôn Thất Thuyết, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức VPMC được phân công có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định thì ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP). Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, VPMC hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

2.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ, tham mưu Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan. Trường hợp cần thiết, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam ban hành văn bản lấy ý kiến đơn vị trong Bộ, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

2.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường, xem xét, ra quyết định giao khu vực biển. Trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: VPMC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

2.2. Cách thức thực hiện

2.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho VPMC.

2.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại VPMC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

2.3.1. Thành phần hồ sơ đề nghị giao khu vực biển bao gồm:

a) Bản chính Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Bản sao văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

c) Bản sao một trong các văn bản sau: Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo quy định hoặc các văn bản tương đương với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường;

d) Bản chính Bản đồ khu vực biển đề nghị giao, trong đó thể hiện tọa độ các điểm góc của khu vực biển đề nghị giao được lập theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

đ) Bản thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển theo Mẫu số 14 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

2.3.2. Thành phần hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Bản chính Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Bản sao văn bản cho phép, giao nhiệm vụ hoặc quyết định phê duyệt thuyết minh, đề cương thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ nuôi trồng thủy sản và nhiệm vụ khoa học, công nghệ biển khác có sử dụng diện tích khu vực biển cố định;

c) Bản đồ khu vực biển đề nghị giao, trong đó thể hiện tọa độ các điểm góc của khu vực biển đề nghị giao được lập theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

2.3.3. Thành phần hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển bao gồm:

a) Đơn đề nghị giao khu vực biển để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển theo Mẫu số 01 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Bản thuyết minh hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển theo Mẫu số 15 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

c) Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của nước nơi tổ chức được thành lập nếu là tổ chức nước ngoài; văn bản chứng minh năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của nước nơi cá nhân mang quốc tịch nếu là cá nhân nước ngoài;

d) Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển, trong đó thể hiện tọa độ các điểm góc, diện tích, độ sâu, độ cao của khu vực biển đề nghị sử dụng.

2.3.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết

2.4.1. Thời hạn kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, VPMC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, VPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, VPMC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, VPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

2.4.2 Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định;

b) Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh nơi có khu vực biển và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản: không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định việc giao khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý.

c) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 10 ngày;

d) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

2.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình hồ sơ.

2.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

2.7.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.7.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.7.3. Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực biển và cơ quan có liên quan.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 06 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP) trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị giao khu vực biển
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
Mẫu số 14	Bản thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển

Mẫu số 15	Bản thuyết minh hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển
-----------	--

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

2.11.1. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị giao;

2.11.2. Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP;

2.11.3. Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ đề nghị giao khu vực biển theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Thông tư số 18/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:¹

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số ... cấp ngày ... tháng ... năm ... thay đổi lần ... (nếu thay đổi) ngày ... tháng ... năm ... hoặc Đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... năm ... (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... số căn cước công dân; số căn cước hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được giao khu vực biển tại xã ..., huyện..., tỉnh ...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ...; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m được thể hiện trên bản đồ/sơ đồ khu vực biển.

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

(Tên tổ chức, cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan.

....., ngày ... tháng ... năm

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LÀM ĐƠN
(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

¹ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

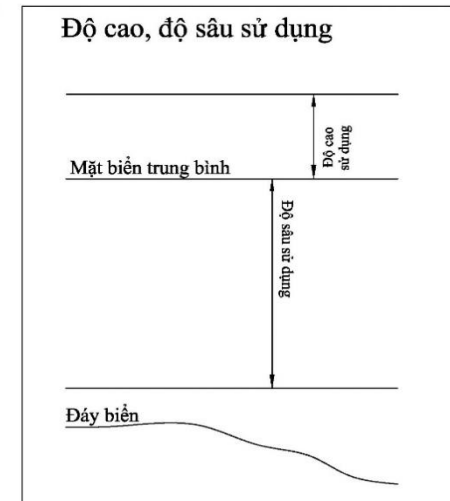
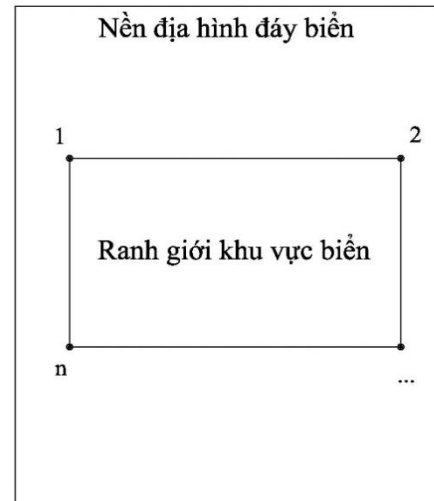
Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo)... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao... được ... xuất bản năm... hoặc từ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

- Khu vực biển sử dụng
- Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm
- Đường 3 hải lý (nếu có) Đường 6 hải lý (nếu có)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BNNMT

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG.

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu

vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ....m đến....m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

2. (Tên tổ chức, cá nhân) ... có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển đối với phần diện tích ... ha/m² được phép trả lại cho đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số... ngày... tháng... năm... (trong trường hợp trả, cho phép trả lại một phần khu vực biển).

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam,...(tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNNMT/CBHDVN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao;
- Bộ, ngành/sở, ban, ngành/phòng, ban, cơ quan có liên quan;
- Sở TNMT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Các căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quyết định giao khu vực biển chỉ ghi các văn bản liên quan trực tiếp đến cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển. Có thể bổ sung thêm các căn cứ là văn bản liên quan trực tiếp đến việc ban hành quyết định cho phù hợp.

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VĂN PHÒNG TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu
mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyên kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

Mẫu số 14

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN

BẢN THUYẾT MINH HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN
(Đề nghị giao sử dụng khu vực biển để)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có)
(Chức danh)

Ký (đóng dấu nếu có)

(Họ và tên)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Chức danh)

Ký (đóng dấu)

(Họ và tên)

Địa danh, năm ...

A. MỞ ĐẦU

- Giới thiệu tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị giao khu vực biển; trong đó bao gồm thông tin về năng lực tài chính, nhân lực, chuyên môn, kinh nghiệm thực hiện các hoạt động có liên quan đến mục đích sử dụng khu vực biển.

- Cơ sở pháp lý và các tài liệu sử dụng làm căn cứ đề nghị giao khu vực biển.
- Mục tiêu và sự cần thiết đề nghị giao khu vực biển.
- Tổng quan về dự án có liên quan đến hoạt động sử dụng khu vực biển.
- Khái quát nội dung cơ bản của đề nghị giao khu vực biển.

I. Điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế, xã hội khu vực biển đề nghị giao

1. Thông tin khái quát về vị trí khu vực biển đề nghị giao; các thông tin về đặc điểm điều kiện tự nhiên, môi trường và các yếu tố kinh tế, xã hội.

2. Hiện trạng các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở vùng biển nơi có khu vực biển đề nghị giao và các khu vực xung quanh có liên quan.

II. Phương án sử dụng khu vực biển

1. Vị trí địa lý hành chính; tọa độ, ranh giới, diện tích của khu vực biển đề nghị giao. Thuyết minh căn cứ, cơ sở tính toán, xác định phạm vi khu vực biển đề nghị được giao để sử dụng; hành lang an toàn các công trình, thiết bị (nếu có) theo quy định của pháp luật chuyên ngành; độ cao, độ sâu khu vực biển dự kiến sử dụng.

2. Nhu cầu sử dụng khu vực biển để thực hiện các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển của tổ chức, cá nhân.

3. Các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Các quy hoạch liên quan đến hoạt động sử dụng khu vực biển, vị trí khu vực biển đề nghị giao; việc bảo đảm các yêu cầu trong trường hợp chưa có các quy hoạch theo quy định.

4. Mục đích, thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển.

5. Các hoạt động dự kiến thực hiện tại khu vực biển đề nghị giao.

- Thuyết minh về các hoạt động dự kiến thực hiện tại khu vực biển đề nghị giao; phạm vi ảnh hưởng của hoạt động sử dụng khu vực biển dự kiến thực hiện đến các hoạt động khác xung quanh;

- Phương pháp, công nghệ thực hiện; phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nêu rõ thông số kỹ thuật) và chiều cao của phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nếu có); vật liệu nổ, hóa chất dự kiến sử dụng (nếu có); các hoạt động khoan, đào, vị trí, tọa độ, độ sâu, số lượng khoan, đào (nếu có);

6. Kế hoạch, tiến độ thực hiện các hoạt động sử dụng khu vực biển.

III. Bản đồ khu vực biển

1. Thuyết minh cơ sở toán học của bản đồ khu vực biển.

2. Thuyết minh phương pháp biên vẽ bản đồ khu vực biển; các vấn đề kỹ thuật khi thực hiện biên vẽ; cơ sở pháp lý, tài liệu sử dụng để biên vẽ bản đồ.

3. Đơn vị thực hiện biên vẽ bản đồ khu vực biển, bao gồm các tài liệu khẳng định đủ điều kiện hoạt động đo đạc bản đồ.

4. Công tác kiểm tra kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan.

IV. Đánh giá tác động của hoạt động sử dụng khu vực biển

1. Đánh giá, thuyết minh về hoạt động sử dụng khu vực biển với việc bảo đảm phù hợp với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng của khu vực biển theo phương thức quản lý tổng hợp tài nguyên biển trên tiếp cận hệ sinh thái; đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học biển và hải đảo, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

2. Đánh giá về các tác động, ảnh hưởng của việc sử dụng khu vực biển với việc đảm bảo lợi ích của tổ chức, cá nhân khác đang được phép tiến hành hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp pháp tại vùng biển liên quan; việc bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

3. Đánh giá về các tác động, ảnh hưởng của việc sử dụng khu vực biển với các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đang được tiến hành hợp pháp tại khu vực; tác động, ảnh hưởng đến công trình cảng biển và luồng hàng hải, việc đi lại của tàu thuyền, công trình dầu khí, đường cáp quang, cáp điện tại khu vực; tác động, ảnh hưởng đến hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực; tác động, ảnh hưởng đến tài nguyên, hệ sinh thái biển, hải đảo tại khu vực; tác động, ảnh hưởng đến địa hình đáy biển và xói lở, bồi tụ bờ biển.

4. Thuyết minh về các điều chỉnh, bổ sung nội dung của hoạt động sử dụng khu vực biển và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội

dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; việc thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

5. Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biên.

B. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

II. Kiến nghị

C. TÀI LIỆU KÈM THEO

Liệt kê các văn bản, tài liệu có liên quan.

Mẫu số 15

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(địa danh), ngày..... tháng.....năm.....

**BẢN THUYẾT MINH HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC/
ĐO ĐẠC/QUAN TRẮC/ĐIỀU TRA/THĂM DÒ/KHẢO SÁT TRÊN BIỂN**

1. Thông tin khái quát về tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển; thông tin khái quát về tổ chức, cá nhân (nhà thầu, tư vấn...) trực tiếp thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển trong đó bao gồm thông tin về năng lực tài chính, nhân lực, chuyên môn, kinh nghiệm thực hiện các hoạt động có liên quan.

2. Mục đích, thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển.

3. Vị trí, tọa độ, ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển đề nghị thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển (chi tiết cho từng hạng mục). Các thông tin khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên ở khu vực biển đề nghị giao và các khu vực xung quanh có liên quan.

4. Kế hoạch triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển (bao gồm thời hạn, lịch trình chi tiết cho từng hạng mục).

5. Phương pháp, công nghệ thực hiện; phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nêu rõ thông số kỹ thuật) và chiều cao của phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nếu có); vật liệu nổ, hóa chất dự kiến sử dụng (nếu có).

6. Mô tả chi tiết các hoạt động khảo sát địa vật lý, khảo sát địa kỹ thuật; vị trí, số lượng, phương thức lấy mẫu, loại mẫu thực hiện (nếu có); vị trí, tọa độ, độ sâu, số lượng khoan, đào (nếu có); mô tả chi tiết phương án kỹ thuật triển khai công tác khoan, phương án hủy giếng khoan, tác động đến môi trường và việc phục hồi môi trường sau khi khoan.

7. Tác động đến môi trường và các giải pháp bảo vệ môi trường khi thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển ở khu vực biển đề nghị giao.

8. Dự kiến thông tin, dữ liệu thu thập; phương thức thu thập, lưu trữ, truyền thông tin, dữ liệu; việc sử dụng thông tin, dữ liệu thu thập được.

9. Dự án, hoạt động dự kiến thực hiện, diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng; hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án, hoạt động dự kiến thực hiện sau khi hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
Ký (đóng dấu)

(Họ và tên)

3. Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (Mã số TTHC: 1.004520)

3.1. Trình tự thực hiện

3.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho VPMC. Địa chỉ: số 10 đường Tôn Thất Thuyết, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

3.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: VPMC có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, VPMC ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP). Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, VPMC hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

3.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam chủ trì thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ, tham mưu Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan. Trường hợp cần thiết, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam ban hành văn bản lấy ý kiến đơn vị trong Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

3.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ra quyết định cho phép gia hạn thời hạn giao khu vực biển bằng Quyết định giao khu vực biển. Trong trường hợp không ra quyết định phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: VPMC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

3.2. Cách thức thực hiện

3.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho VPMC.

3.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại VPMC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.3.1. Thành phần hồ sơ

- Bản chính Đơn đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển theo Mẫu số

02 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

- Bản chính Quyết định giao khu vực biển đã được cấp.
- Bản sao văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn hoặc còn thời hạn.
- Bản chính Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển theo Mẫu số 12 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

3.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết

3.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, VPMC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, VPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, VPMC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, VPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

3.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định;

b) Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kèm theo đầy đủ hồ sơ;

c) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 10 ngày;

d) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

3.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 05 ngày làm việc, kể

từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình hồ sơ.

3.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

3.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ và các đơn vị có liên quan.

3.6.3. Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực biển và cơ quan có liên quan.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu 06 của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, trường hợp không ra quyết định, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 02	Đơn đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

3.10.1. Tổ chức, cá nhân đang được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

3.10.2. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị gia hạn thời hạn.

3.10.3. Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

3.10.4. Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP và Nghị định số 65/2025/NĐ-CP cho VPMC.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Thông tư số 18/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 02

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI HẠN SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:... Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số....., ngày.... tháng... năm.... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số.....cấp ngày.....thay đổi lần....(nếu thay đổi) ngày.....hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....(trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... căn cước công dân; căn cước hoặc số định danh cá nhâncấp ngày...tháng...năm...do .cấp (nếu là cá nhân).

Được phép sử dụng khu vực biển tại xã ..., huyện ., tỉnh ... theo Quyết định giao khu vực biển số .ngày...thángnămcủa Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Đề nghị được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, thời gian gia hạn(tháng/năm).

Mục đích đang sử dụng khu vực biển: (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển).....

Diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha), độ sâu sử dụng:...m, từ...m đến....m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ, độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển...m được thể hiện trên Bản đồ khu vực biển.

Lý do đề nghị gia hạn

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

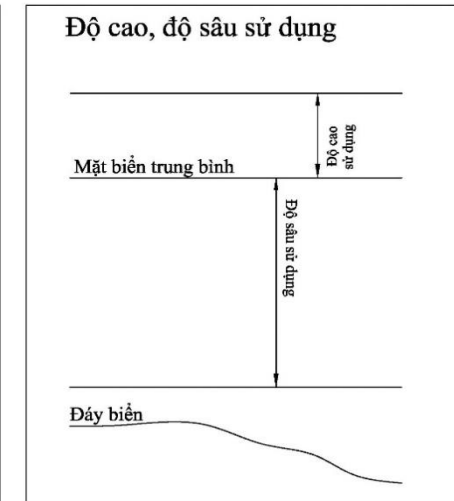
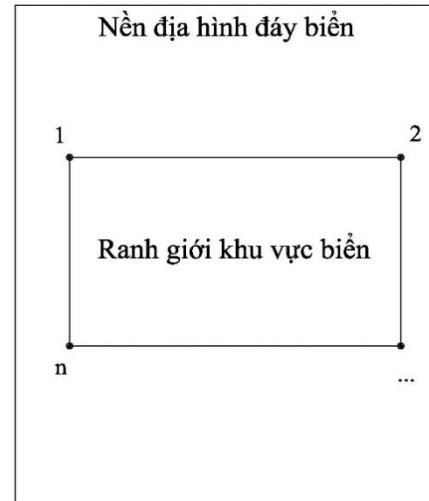
Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao... được ... xuất bản năm... hoặc từ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

- Khu vực biển sử dụng
- Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm
- Đường 3 hải lý (nếu có) Đường 6 hải lý (nếu có)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BNNMT

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG.

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ....m đến....m được giới hạn bởi.....

điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

2. (Tên tổ chức, cá nhân) ... có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển đối với phần diện tích ... ha/m² được phép trả lại cho đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số... ngày... tháng... năm... (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại một phần khu vực biển).

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam,...(tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNNMT/CBHĐVN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao;
- Bộ, ngành/sở, ban, ngành/phòng, ban, cơ quan có liên quan;
- Sở TNMT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Các căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quyết định giao khu vực biển chỉ ghi các văn bản liên quan trực tiếp đến cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển. Có thể bổ sung thêm các căn cứ là văn bản liên quan trực tiếp đến việc ban hành quyết định cho phù hợp.

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VĂN PHÒNG TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ
Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả
...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu
mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin Một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

4. Trả lại khu vực biển (Mã số TTHC: 1.004333)

4.1. Trình tự thực hiện

4.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho VPMC. Địa chỉ: số 10 đường Tôn Thất Thuyết, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

4.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: VPMC có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, VPMC ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP). Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, VPMC hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

4.4.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam chủ trì thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan; gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa.

4.4.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định cho phép trả lại khu vực biển. Trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4.4.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: VPMC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

4.2. Cách thức thực hiện

4.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho VPMC.

4.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại VPMC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

4.3.1. Thành phần hồ sơ

- Bản chính Đơn đề nghị trả lại khu vực biển theo Mẫu số 03 của Nghị định số 11/2021/NĐ/CP.
- Bản chính Quyết định giao khu vực biển đã được cấp.

- Bản chính Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển theo Mẫu số 12 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

- Bản chính Bản đồ khu vực biển còn lại sau khi trả lại một phần khu vực biển (đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực biển).

4.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết

4.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, VPMC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, VPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, VPMC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, VPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

4.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định;

b) Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh nơi có khu vực biển và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định việc giao khu vực biển.

c) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 10 ngày;

d) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

4.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 05 ngày làm việc, kể

từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình hồ sơ.

4.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

4.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ.

4.6.3. Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực biển và cơ quan có liên quan.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép trả lại khu vực biển theo Mẫu 07 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, trường hợp không ra quyết định, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 03	Đơn đề nghị trả lại hoặc trả lại một phần khu vực biển
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 07	Quyết định về việc cho phép trả lại khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

4.10.1. Tổ chức, cá nhân được trả lại một phần hoặc toàn bộ khu vực biển đã được giao khi không còn nhu cầu sử dụng.

4.10.2. Tổ chức, cá nhân trả lại khu vực biển phải thực hiện các biện pháp phục hồi môi trường biển tại khu vực biển đã được giao mà trả lại; phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

4.10.3. Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác tài nguyên không tái tạo không được trả lại một phần diện tích khu vực biển đã được giao.

4.10.4. Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ trả lại khu vực biển theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Thông tư số 18/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 03

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

- Quyết định thành lập số..., ngày... tháng... năm... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số....cấp ngày.... thay đổi lần....(nếu thay đổi) ngày....hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....(trường hợp đổi với tổ chức).

- Ngày, tháng, năm sinh ... căn cước công dân; căn cước hoặc số định danh cá nhân...cấp ngày...tháng...năm...do....cấp (nếu là cá nhân).

- Đề nghị được trả lại khu vực biển theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng... năm .. của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc giao quyền sử dụng khu vực biển.

- Hoặc đề nghị được trả lại một phần khu vực biển có diện tíchtrong tổng số diện tích.....ha được giao theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng... năm .. của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Lý do đề nghị trả lại

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

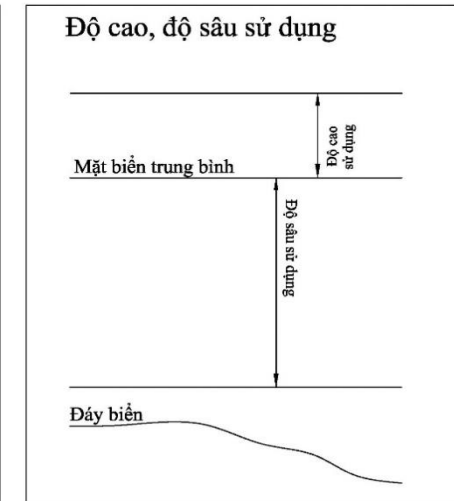
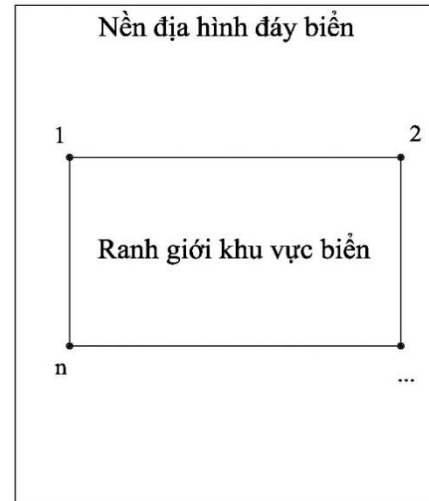
Điểm	Hệ tọa độ VN-2000 Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao... được ... xuất bản năm... hoặc từ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệ tại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

- Khu vực biển sử dụng
- Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm
- Đường 3 hải lý (nếu có) Đường 6 hải lý (nếu có)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..../QĐ-BNNMT

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép trả lại khu vực biển

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ/BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biên Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số../..../NĐ-CP ngày.. tháng .. năm .. của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.v.v.;²

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển của (tên tổ chức, cá nhân)

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Tổng cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được trả lại khu vực biển hoặc trả lại một phần khu vực biển với diện tíchha trên tổng số diện tích khu vực biển đã giao là ...ha theo Quyết định giao khu vực biển số ... ngày ... tháng ... năm ... của Thủ tướng Chính phủ/Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

² Các căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quyết định giao khu vực biển chỉ ghi các văn bản liên quan trực tiếp đến cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển. Có thể bổ sung thêm các căn cứ là văn bản liên quan trực tiếp đến việc ban hành quyết định cho phù hợp.

Trụ sở/địa chỉ:.....Điện thoại: Fax:Email:.....

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên tổ chức, cá nhân) phải chấm dứt hoạt động sử dụng khu vực biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường biển trong thời gian sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp cải thiện, phục hồi môi trường tại khu vực biển được giao sử dụng và các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

3.....

Điều 3. Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Tổng cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam và tổ chức, cá nhân.....có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BTN&MT/TCBHĐVBN;
- Sở TN&MT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- UBND huyện..;
- Phòng TN&MT..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

THỦ TƯỚNG/BỘ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BNNMT

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG.

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu

vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

2. (Tên tổ chức, cá nhân) ... có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển đối với phần diện tích ... ha/m² được phép trả lại cho đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà

nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số... ngày... tháng... năm... (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại một phần khu vực biển).

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam,...(tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNNMT/CBHDVN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao;
- Bộ, ngành/sở, ban, ngành/phòng, ban, cơ quan có liên quan;
- Sở TNMT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Các căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quyết định giao khu vực biển chỉ ghi các văn bản liên quan trực tiếp đến cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển. Có thể bổ sung thêm các căn cứ là văn bản liên quan trực tiếp đến việc ban hành quyết định cho phù hợp.

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VĂN PHÒNG TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ
Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả

...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu
mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin Một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyên kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

5. Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển (Mã số TTHC: 2.001745)

5.1. Trình tự thực hiện

5.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho VPMC. Địa chỉ: số 10 đường Tôn Thất Thuyết, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

5.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: VPMC có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định, VPMC ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP). Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, VPMC hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

5.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ, tham mưu Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan. Trường hợp cần thiết, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam ban hành văn bản lấy ý kiến đơn vị trong Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

5.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển bằng Quyết định giao khu vực biển. Trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: VPMC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

5.2. Cách thức thực hiện

5.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho VPMC.

5.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại VPMC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

5.3.1. Thành phần hồ sơ

- Bản chính Đơn sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 04 của Nghị định số 11/2021/NĐ/CP.

- Bản chính Quyết định giao khu vực biển đã được cấp.
- Bản sao văn bản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận thể hiện nội dung quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP và khoản 12 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

5.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết

5.4.1. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, VPMC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, VPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, VPMC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, VPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

5.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định;

b) Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh nơi có khu vực biển và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định việc giao khu vực biển;

c) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 10 ngày;

d) Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

5.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình hồ sơ.

5.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường. VPMC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

5.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

5.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ và các đơn vị có liên quan.

5.6.3. Cơ quan phối hợp: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực biển và cơ quan có liên quan.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển theo Mẫu 06 của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 04	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

5.10.1. Quyết định giao khu vực biển được xem xét sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển nhưng không làm thay đổi về sở hữu của tổ chức, cá nhân trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c dưới đây;

b) Thay đổi về sở hữu của tổ chức, cá nhân đã được giao khu vực biển

trong trường hợp nếu cá nhân hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân đã chết mà có người thừa kế;

c) Tổ chức, cá nhân đã được giao khu vực biển chuyên nhượng dự án đầu tư gắn với quyền sử dụng khu vực biển (chỉ được thực hiện khi khu vực biển đó đã được đầu tư theo dự án); thay đổi nhà đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, chấp thuận, điều chỉnh theo quy định của pháp luật đầu tư; chia tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp;

d) Thay đổi về độ sâu; chiều cao công trình, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao do đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được điều chỉnh; tăng diện tích sử dụng khu vực biển trong trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc điều chỉnh văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển; thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao trong trường hợp một phần khu vực biển bị thu hồi để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích; quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật;

đ) Thay đổi nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ nuôi trồng thủy sản và nhiệm vụ khoa học, công nghệ biển khác có sử dụng diện tích khu vực biển cố định dẫn đến thay đổi nội dung Quyết định giao khu vực biển;

e) Thay đổi mục đích sử dụng một phần khu vực biển trong trường hợp không phải đánh giá tác động môi trường và không thay đổi tổ chức, cá nhân đã được giao khu vực biển. Việc thay đổi mục đích sử dụng một phần khu vực biển phải được cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc điều chỉnh văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển và phải thực hiện đầy đủ các điều kiện, yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động sử dụng khu vực biển.

5.10.2. Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP cho VPMC.

5.10.3. Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và quyết định giao khu vực biển còn hiệu lực.

5.10.4. Việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển được thể hiện bằng Quyết định giao khu vực biển mới. Thời hạn giao khu vực biển

là thời hạn còn lại của quyết định giao khu vực biển trước đó.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Thông tư số 18/2021/TT-BTNMT ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Tên tổ chức, cá nhân

.....

Trụ sở/địa chỉ tại:

.....

Điện thoại: Fax:

.....

Quyết định thành lập số...., ngày.... tháng... năm.... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số....cấp ngày....thay đổi lần....(nếu thay đổi) ngày....hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....(trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... căn cước công dân; căn cước hoặc số định danh cá nhân...cấp ngày...tháng...năm...do....cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển số, ngày tháng năm của: Thủ tướng Chính phủ/Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc giao khu vực biển tại khu vực... thuộc xã...., huyện...., tỉnh

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển:

.....

Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BNNMT

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG.

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam..

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa

độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến....m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

2. (Tên tổ chức, cá nhân) ... có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển đối với phần diện tích ... ha/m² được phép trả lại cho đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi

chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số... ngày... tháng... năm... (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại một phần khu vực biển).

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam,...(tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNNMT/CBHDVN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao;
- Bộ, ngành/sở, ban, ngành/phòng, ban, cơ quan có liên quan;
- Sở TNMT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

BỘ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

¹ Các căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quyết định giao khu vực biển chỉ ghi các văn bản liên quan trực tiếp đến cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển. Có thể bổ sung thêm các căn cứ là văn bản liên quan trực tiếp đến việc ban hành quyết định cho phù hợp.

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VĂN PHÒNG TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ
Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

.....

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin Một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong

trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

6. Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp Trung ương) (Mã số TTHC: 1.000801)

6.1. Trình tự thực hiện

6.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển nộp 01 bộ hồ sơ cho VPMC hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

6.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức VPMC có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, VPMC hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

6.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tham mưu với Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan hoặc ban hành văn bản lấy ý kiến đơn vị trong Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

6.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ra quyết định cấp Giấy phép nhận chìm ở biển; trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: VPMC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

6.2. Cách thức thực hiện

6.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho VPMC.

6.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại VPMC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

6.3.1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Dự án nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường không phải là cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép nhận chìm ở biển.

- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu là doanh nghiệp).

- Bản đồ khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm được lập theo Mẫu số 05 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025).

6.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết

6.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, VPMC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, VPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, VPMC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, VPMC chuyển ngay cho Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

6.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 10 ngày.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 30 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

6.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

6.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ.

6.6.3. Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp không cấp Giấy phép nhận chìm, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản thông báo cho VPMC.

6.8. Phí, lệ phí: thực hiện theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 03	Dự án nhận chìm ở biển
Mẫu số 04	Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 11	Giấy phép nhận chìm ở biển
Mẫu số 14	Phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ đề nghị (cấp, cấp lại, gia hạn, trả lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển)

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Vật, chất được phép nhận chìm đáp ứng các Điều kiện sau đây:

- Không chứa chất phóng xạ, chất độc vượt quy chuẩn kỹ thuật an toàn bức xạ, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
- Được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; bảo đảm không tác động có hại đến sức khỏe con người, môi trường, hệ sinh thái, nguồn lợi thủy sản.
- Không thể đổ thải, lưu giữ, xử lý trên đất liền hoặc việc đổ thải, lưu giữ, xử lý trên đất liền không hiệu quả về kinh tế - xã hội.
- Thuộc Danh mục vật, chất được nhận chìm ở biển.

b) Có phương án nhận chìm bảo đảm yêu cầu: việc nhận chìm ở biển không được gây ra tác động có hại đến sức khỏe con người, tiềm năng phát triển kinh tế của đất nước; hạn chế tối đa ảnh hưởng xấu tới môi trường, hệ sinh thái biển.

c) Khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm phù hợp với quy hoạch sử dụng biển, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(tên loại vật, chất nhận chìm ở biển)

Địa danh nơi lập dự án, năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Tên loại vật, chất nhận chìm ở biển:)

Nhận chìm ở khu vực biển thuộc xã/phường ..., quận/huyện..., tỉnh/thành phố...)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Chức danh)

Ký (đóng dấu nếu có)
(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP DỰ ÁN
(Chức danh)

Ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh nơi lập Dự án, Năm 20...

A. NỘI DUNG DỰ ÁN NHẬN CHÌM

MỞ ĐẦU

- Giới thiệu tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép nhận chìm ở biển.
- Cơ sở pháp lý và các tài liệu sử dụng làm căn cứ lập dự án.
- Mục tiêu và sự cần thiết lập dự án.
- Khái quát nội dung cơ bản của dự án.
- Quá trình xây dựng dự án và các tổ chức, cá nhân tham gia lập dự án.

Chương I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, MÔI TRƯỜNG, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA KHU VỰC BIỂN ĐỀ NGHỊ NHẬN CHÌM

- Vị trí địa lý hành chính; tọa độ, ranh giới, diện tích của khu vực biển đề nghị nhận chìm.
- Các thông tin về đặc điểm điều kiện tự nhiên, môi trường và các yếu tố kinh tế, xã hội; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên ở khu vực biển dự kiến nhận chìm và các khu vực khác có liên quan (*nếu có*).
- Các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển nhận chìm và các khu vực khác có liên quan (*nếu có*).

Chương II

PHƯƠNG ÁN NHẬN CHÌM

- Trình bày về vật, chất đề nghị cấp giấy phép nhận chìm: tên, nguồn gốc, hình dáng, kích thước, khối lượng, các đặc tính vật lý, hóa học và thành phần của vật, chất đề nghị được nhận chìm.
- Trình bày luận chứng, thuyết minh về mức độ chiếm dụng phân tán trong môi trường nước biển của vật, chất nhận chìm để xác định phạm vi khu vực biển cần sử dụng để nhận chìm.
- Thuyết minh mô tả hình dáng, sơ đồ bố trí vật, chất nhận chìm và tính toán, xác định phạm vi ảnh hưởng.
- Trình bày luận chứng, thuyết minh sự phù hợp về phương thức xử lý vật, chất đề nghị nhận chìm và phương thức nhận chìm, phương tiện chuyên chở.
- Khả năng kiểm soát, giảm thiểu vật, chất đề nghị nhận chìm ở biển tại nguồn phát sinh.
- Danh sách các chất cần kiểm soát trong vật, chất đề nghị nhận chìm ở biển.

- Trình bày kế hoạch, tiến độ thực hiện hoạt động nhận chìm.

Chương III

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- Dự báo các tác động, nguy cơ rủi ro cho môi trường biển do vật, chất đề nghị cấp giấy phép nhận chìm có thể gây ra.

- Tác động tiềm năng của vật, chất đề nghị được nhận chìm đến tài nguyên, môi trường biển.

- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường biển trong quá trình thực hiện hoạt động nhận chìm.

Chương IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ NHẬN CHÌM

- Trình bày tổng kinh phí thực hiện hoạt động nhận chìm.

- Lập bảng tổng hợp khối lượng hạng Mục nhận chìm và dự toán kinh phí.

- Khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện hoạt động nhận chìm.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

B. PHẦN BẢN VẼ

- Bản đồ khu vực biển dự kiến nhận chìm.

- Bản vẽ thiết kế sơ bộ của phương án nhận chìm.

- Các biểu, bảng khác liên quan.

C. CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập dự án nhận chìm

- Tài liệu thu thập, tổng hợp phục vụ cho lập dự án nhận chìm.

- Các văn bản pháp lý có liên quan.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành...)

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:Fax:

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày... tháng... năm... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm...

Giấy phép đầu tư số... ngày... tháng... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư)(nếu có).

Đề nghị được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, cụ thể như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật đề nghị nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của chất đề nghị nhận chìm;

2. Địa điểm khu vực đề nghị được nhận chìm: tại xã/phường quận/huyện tỉnh/thành phố....;

3. Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm là: ... (ha, Km²), được giới hạn bởi các Điểm góc..... có tọa độ thể hiện trên Bản đồ khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm gửi kèm theo;

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm;

5. Thời điểm và thời hạn đề nghị thực hiện hoạt động nhận chìm.

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

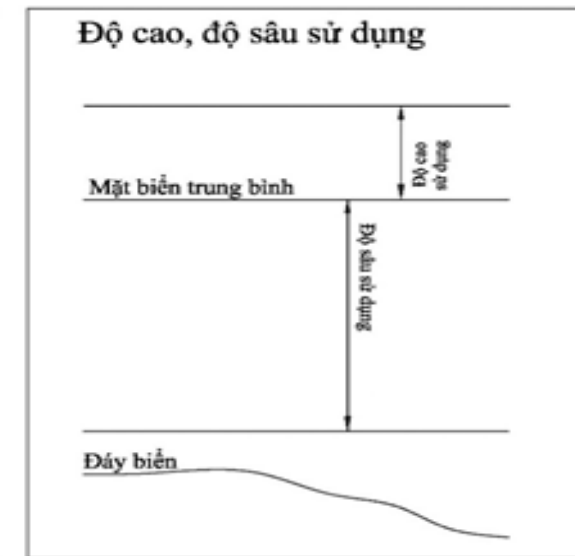
Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao... được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệ ... tại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải: Khu vực biển sử dụng

Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

Đường 3 hải lý (nếu có)

Đường 6 hải lý (nếu có)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Bìa màu trắng)

Số.....

Ngày cấp.....

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-(BNNMT,UBND)

..., ngày ... tháng năm

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....)

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm ...);

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.
2. Địa điểm khu vực nhận chìm:
3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.
4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

6.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. (Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,...) căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... (Bộ NN&MT);
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT ...;
-;
- (Tên tổ chức, cá nhân);
- Lưu: HS, VT.

BỘ TRƯỞNG
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

VIỆT NAM/ SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 202

PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ HẸN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ
(CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, TRẢ LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN)

Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở NN&MT...) đã nhận của ông (bà, tổ chức):
.....ĐT.....

Tên/loại hồ sơ:

Loại vật, chất nhận chìm ở biển:

Địa điểm khu vực nhận chìm:

Gồm các loại giấy tờ sau:
.....
.....
.....
.....

Ngày hẹn đến giải quyết hồ sơ:

Người nộp
hồ sơ
(Ký, họ tên)

Chuyên viên tiếp
nhận hồ sơ
(Ký, họ tên)

TL. CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC SỞ
Bộ phận tiếp nhận hồ sơ
(Ký tên, đóng dấu)

CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

VIỆT NAM/ SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 202

PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ HẸN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ
(CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, TRẢ LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN)

Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở NN&MT...) đã nhận của ông (bà, tổ chức):
.....ĐT.....

Tên/loại hồ sơ:

Loại vật, chất nhận chìm ở biển:

Địa điểm khu vực nhận chìm:

Gồm các loại giấy tờ sau:
.....
.....
.....
.....

Ngày hẹn đến giải quyết hồ sơ:

Người nộp
hồ sơ
(Ký, họ tên)

Chuyên viên tiếp
nhận hồ sơ
(Ký, họ tên)

TL. CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC SỞ
Bộ phận tiếp nhận hồ sơ
(Ký tên, đóng dấu)

Dóng dấu
giáp lại

7. Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp Trung ương) (Mã số TTHC: 1.002048)

7.1. Trình tự thực hiện

7.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển nộp 01 bộ hồ sơ cho VPMC hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

7.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức VPMC có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, VPMC hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

7.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tham mưu với Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan hoặc ban hành văn bản lấy ý kiến đơn vị trong Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

7.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ra quyết định gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển; trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: VPMC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

7.2. Cách thức thực hiện

7.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho VPMC.

7.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại VPMC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

7.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Giấy phép nhận chìm ở biển đã được cấp.

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

7.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết

7.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, VPMC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, VPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, VPMC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, VPMC chuyển ngay cho Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

7.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 10 ngày.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 30 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

7.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

7.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

7.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

7.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ.

7.6.3. Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhận chìm ở biển (gia hạn). Trường hợp không cấp Giấy phép nhận chìm (gia hạn), Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản thông báo cho VPMC.

7.8. Phí, lệ phí: thực hiện theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 06	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển
Mẫu số 11	Giấy phép nhận chìm ở biển
Mẫu số 14	Phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ đề nghị (cấp, cấp lại, gia hạn, trả lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển)

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Giấy phép nhận chìm còn hiệu lực ít nhất là 60 ngày.

b) Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nhận chìm theo đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm; đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.

c) Đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10

tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tên tổ chức, cá nhân.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: Fax.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày... tháng... năm... hoặc
 Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Được phép nhận chìm vật, chất ở biển theo Giấy phép nhận chìm ở biển số
 ngày thángnăm của ... Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy
 ban nhân dân tỉnh, thành phố ...); thời hạn Giấy phép nhận chìm ở biển đến hết
 ngày tháng ... năm

Đề nghị được gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển nêu trên, thời gian đề
 nghị gia hạn là: (tháng/năm).

Lý do đề nghị gia hạn:

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của
 pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Bìa màu trắng)

Số.....

Ngày cấp.....

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-(BNNMT,UBND)

..., ngày ... tháng năm

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....)

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm ...);

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm:

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

6.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. (Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,...) căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... (Bộ NNMT);
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT ...;
-;
- (Tên tổ chức, cá nhân);
- Lưu: HS, VT.

BỘ TRƯỞNG
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM/ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG		CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
		, ngày... tháng... năm 202	
PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ HẸN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ (CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, TRẢ LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN)			
Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở NN&MT...) đã nhận của ông (bà, tổ chức):ĐT.....			
Tên/loại hồ sơ:			
Loại vật, chất nhận chìm ở biển:			
Địa điểm khu vực nhận chìm:			
Gồm các loại giấy tờ sau:			
Đồng dấu giáp lại			
Ngày hẹn đến giải quyết hồ sơ:			
Người nộp hồ sơ (Ký, họ tên)	Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ (Ký, họ tên)	TL. CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC SỞ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ (Ký tên, đóng dấu)	

CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM/ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG		CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
		, ngày... tháng... năm 202	
PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ HẸN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ (CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, TRẢ LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN)			
Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở NN&MT...) đã nhận của ông (bà, tổ chức):ĐT.....			
Tên/loại hồ sơ:			
Loại vật, chất nhận chìm ở biển:			
Địa điểm khu vực nhận chìm:			
Gồm các loại giấy tờ sau:			
Đồng dấu giáp lại			
Ngày hẹn đến giải quyết hồ sơ:			
Người nộp hồ sơ (Ký, họ tên)	Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ (Ký, họ tên)	TL. CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC SỞ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ (Ký tên, đóng dấu)	

8. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp Trung ương) (Mã số TTHC: 1.002025)

8.1. Trình tự thực hiện

8.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển nộp 01 bộ hồ sơ cho VPMC hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

8.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức VPMC có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, VPMC hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

8.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tham mưu với Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan hoặc ban hành văn bản lấy ý kiến đơn vị trong Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

8.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển; trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

8.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: VPMC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

8.2. Cách thức thực hiện

8.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho VPMC.

8.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại VPMC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

8.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển trong đó nêu rõ lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung được lập theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Giấy phép nhận chìm ở biển đã được cấp.

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển.

- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển do có sự thay đổi quy mô nhận chìm; ranh giới, diện tích khu vực biển sử dụng để nhận chìm trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường không phải là cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển.

- Bản đồ khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm được lập theo Mẫu số 05 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025).

8.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết

8.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, VPMC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, VPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, VPMC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, VPMC chuyển ngay cho Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

8.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 10 ngày.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 30 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

8.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

8.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

8.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

8.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

8.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ.

8.6.3. Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhận chìm ở biển (sửa đổi, bổ sung). Trường hợp không cấp Giấy phép nhận chìm (sửa đổi, bổ sung), Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản thông báo cho VPMC.

8.8. Phí, lệ phí: thực hiện theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 08	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 11	Giấy phép nhận chìm ở biển
Mẫu số 14	Phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ đề nghị (cấp, cấp lại, gia hạn, trả lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển)

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Giấy phép nhận chìm ở biển còn hiệu lực ít nhất là 45 ngày;

b) Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nhận chìm theo đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm; đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật;

c) Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số...., ngày.... tháng... năm.... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm.....

Được phép nhận chìm vật, chất ở biển theo Giấy phép nhận chìm ở biển số ngày tháng năm của ... Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...); thời hạn Giấy phép nhận chìm ở biển đến hết ngày tháng ... năm

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển nêu trên.

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

.....

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 05**BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN**

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

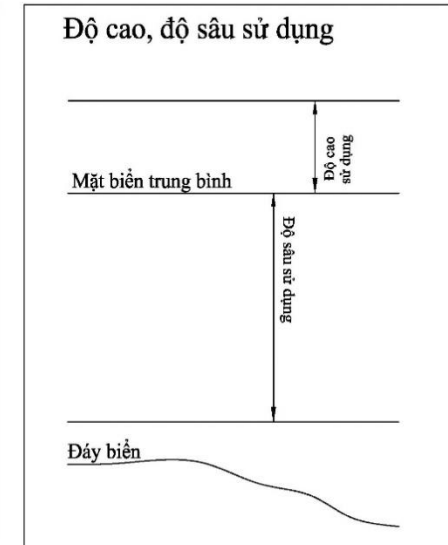
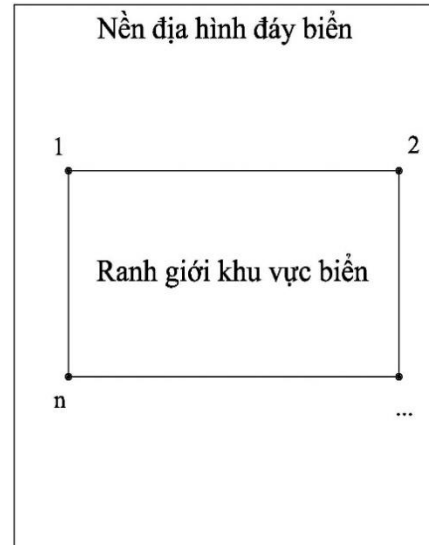
Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiếu...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiếu... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc từ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

- Khu vực biển sử dụng
- Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm
- Đường 3 hải lý (nếu có)
- Đường 6 hải lý (nếu có)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 11

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Bìa màu trắng)

Số.....
Ngày cấp.....

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN)

Số:.../GP-(BNNMT,UBND)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....)

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm ...);

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm:

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

6.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. (Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,...) căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... (Bộ NN&MT);
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT ...;
-;
- (Tên tổ chức, cá nhân);
- Lưu: HS, VT.

BỘ TRƯỞNG
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

9. Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp Trung ương) (Mã số TTHC: 1.001658)

9.1. Trình tự thực hiện

9.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển nộp 01 bộ hồ sơ cho VPMC hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

9.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức VPMC có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, VPMC hướng dẫn tổ chức, cá nhân đề bổ sung, hoàn thiện.

9.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tham mưu với Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan hoặc ban hành văn bản lấy ý kiến đơn vị trong Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

9.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ra quyết định trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển; trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

9.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: VPMC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

9.2. Cách thức thực hiện

9.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho VPMC.

9.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại VPMC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

9.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016;
- Giấy phép nhận chìm ở biển đã được cấp;

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

9.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết

9.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, VPMC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, VPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, VPMC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, VPMC chuyển ngay cho Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

9.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 10 ngày.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 30 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

9.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

9.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

9.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

9.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

9.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ.

9.6.3. Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp không được trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản thông báo cho VPMC.

9.8. Phí, lệ phí: không quy định.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 07	Đơn đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển
Mẫu số 12	Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển
Mẫu số 14	Phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ đề nghị (cấp, cấp lại, gia hạn, trả lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển)

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

9.10.1. Giấy phép nhận chìm ở biển còn hiệu lực.

9.10.2. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nhận chìm theo đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm; đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.

9.10.3. Đến thời điểm đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm

2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Mẫu số 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:, Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số ..., ngày.... tháng... năm.... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Được phép nhận chìm vật, chất ở biển theo Giấy phép nhận chìm ở biển số ngày tháng năm của ... Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...); thời hạn Giấy phép nhận chìm ở biển đến hết ngày tháng ... năm.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển nêu trên.

Lý do đề nghị trả lại

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 12

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN ...)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-(BTNMT, UBND)

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ.....)**

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số.../2016/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm....);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép nhận chìm ở biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh.....),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển số ... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (UBND tỉnh...).

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên tổ chức, cá nhân) phải chấm dứt hoạt động nhận chìm ở biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố...) có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND... (Bộ NNMT);
- Cục BHĐVN;
- Sở NN&MT tỉnh, thành phố...;
- (Tên tổ chức, cá nhân);
- Lưu HS, VT.

BỘ TRƯỞNG
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

Đồng dấu
giáp lai

10. Cấp lại giấy phép nhận chìm (cấp Trung ương) (Mã số TTHC: 1.001631)

10.1. Trình tự thực hiện

10.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển nộp 01 bộ hồ sơ cho VPMC hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

10.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức VPMC có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, VPMC hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

10.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam tham mưu với Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan hoặc ban hành văn bản lấy ý kiến đơn vị trong Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

10.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, ra quyết định cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển; trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

10.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: VPMC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

10.2. Cách thức thực hiện

10.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho VPMC.

10.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại VPMC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

10.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại được lập theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016;

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm đề nghị cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển.

10.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết

10.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, VPMC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, VPMC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, VPMC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, VPMC chuyển ngay cho Cục Biển và Hải đảo Việt Nam.

10.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 10 ngày.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 30 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

10.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Cục Biển và Hải đảo Việt Nam trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

10.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

10.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

10.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

10.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Văn phòng Bộ.

10.6.3. Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhận chìm ở biển đã được cấp lại. Trường hợp không cấp lại Giấy phép nhận chìm, Cục Biển và Hải đảo Việt Nam gửi văn bản thông báo cho VPMC.

10.8. Phí, lệ phí: thực hiện theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 05	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển
Mẫu số 14	Phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ đề nghị (cấp, cấp lại, gia hạn, trả lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển)

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

10.10.1. Giấy phép nhận chìm ở biển còn hiệu lực ít nhất là 30 ngày;

10.10.2. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nhận chìm theo đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm; đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật;

10.10.3. Đến thời điểm đề nghị cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm

2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành...)

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số...., ngày.... tháng... năm.... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Được phép nhận chìm ở biển theo Giấy phép nhận chìm ở biển số ngày tháng năm của ... Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...);

Đề nghị được cấp lại Giấy phép nhận chìm vật, chất ở biển nêu trên vì lý do:

.....

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 14

[illegible]

II. Thủ tục hành chính cấp tỉnh có biển

1. Giao khu vực biển (Mã số TTHC: 1.005401)

1.1. Trình tự thực hiện

1.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Trường hợp chưa có Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thì Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

1.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP). Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

1.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định hồ sơ, gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan. Trường hợp cần thiết, tổ chức kiểm tra thực địa.

1.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao khu vực biển. Trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

1.2. Cách thức thực hiện

1.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

1.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

1.3.1. Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

- Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

- Bản sao một trong các văn bản sau: Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường theo quy định hoặc các văn bản tương đương với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường;

- Bản đồ khu vực biển đề nghị giao, trong đó thể hiện tọa độ các điểm của khu vực biển theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

- Bản thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển theo Mẫu số 14 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

1.3.2. Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm:

- Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

- Bản sao hoặc bản sao điện tử văn bản cho phép, giao nhiệm vụ hoặc quyết định phê duyệt thuyết minh, đề cương thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ nuôi trồng thủy sản và nhiệm vụ khoa học, công nghệ biển khác có sử dụng diện tích khu vực biển có định;

- Bản đồ khu vực biển được lập theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

1.3.3. Hồ sơ đề nghị giao khu vực biển để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển bao gồm:

- Đơn đề nghị giao khu vực biển để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển theo Mẫu số 01 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP)CP;

- Bản thuyết minh hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển theo Mẫu số 15 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

- Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân theo quy định pháp luật của nước nơi tổ chức được thành lập nếu là tổ chức nước ngoài; văn bản chứng minh năng

lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của nước nơi cá nhân mang quốc tịch nếu là cá nhân nước ngoài;

- Sơ đồ khu vực biển đề nghị giao để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển, trong đó thể hiện tọa độ các điểm góc, diện tích, độ sâu, độ cao của khu vực biển đề nghị sử dụng.

1.3.4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết

1.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

1.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ:

Không quá 45 ngày làm việc kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Thời gian các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ. Thời gian tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị; quá thời hạn này mà cơ quan thẩm định hồ sơ không nhận được văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình của tổ chức, cá nhân thì cơ quan thẩm định hồ sơ gửi thông tin đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ để có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân về việc không giao khu vực biển.

1.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:

Thời hạn trình hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ.

1.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

1.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển

1.6.1. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

1.6.2 Cơ quan phối hợp: Các bộ, ngành và sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu 06 Phụ lục của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị giao khu vực biển.
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển.
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
Mẫu số 14	Bản thuyết minh hoạt động sử dụng khu vực biển
Mẫu số 15	Bản thuyết minh hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị giao;

b) Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP;

c) Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ đề nghị giao khu vực biển theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 15 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh...

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số ... cấp ngày ... tháng ... năm ... thay đổi lần ... (nếu thay đổi) ngày ... tháng ... năm ... hoặc Đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... năm ... (trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được giao hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., huyện..., tỉnh ...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ...; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m được thể hiện trên bản đồ/sơ đồ khu vực biển.

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

(Tên tổ chức, cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

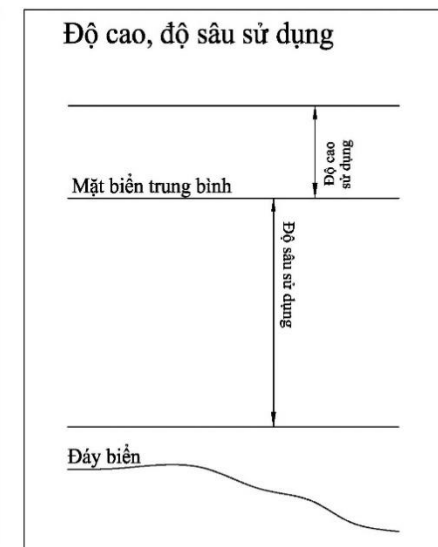
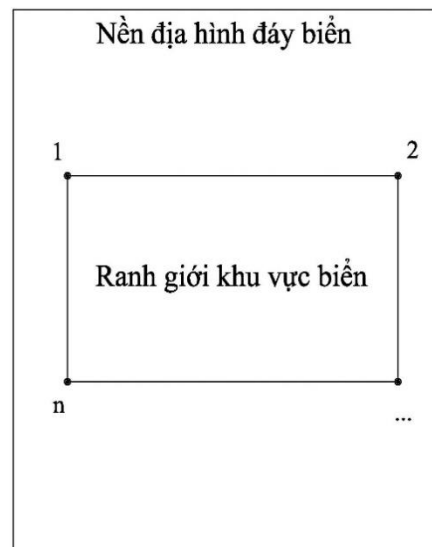
Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)

(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

- Khu vực biển sử dụng
- Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm
- Đường 3 hải lý (nếu có)
- Đường 6 hải lý (nếu có)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH...

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính/Trung tâm Phục vụ hành chính công (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh/Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện...);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ....m đến....m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.... có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số... ngày... tháng... năm... (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại một phần khu vực biển).

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp

và Môi trường cấp tỉnh.... (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNNMT/CBHĐVN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;
- Bộ, ngành/sở, ban, ngành/phòng, ban, cơ quan có liên quan;
- Sở NNMT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- UBND huyện..;
- Phòng NNMT..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ
Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN**BẢN THUYẾT MINH HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN**
(Đề nghị giao sử dụng khu vực biển đề)**ĐƠN VỊ TƯ VẤN (nếu có)**
(Chức danh)*Ký (đóng dấu nếu có)***(Họ và tên)****TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**
(Chức danh)*Ký (đóng dấu)***(Họ và tên)****Địa danh, năm ...**

A. MỞ ĐẦU

- Giới thiệu tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị giao khu vực biển; trong đó bao gồm thông tin về năng lực tài chính, nhân lực, chuyên môn, kinh nghiệm thực hiện các hoạt động có liên quan đến mục đích sử dụng khu vực biển.

- Cơ sở pháp lý và các tài liệu sử dụng làm căn cứ đề nghị giao khu vực biển.
- Mục tiêu và sự cần thiết đề nghị giao khu vực biển.
- Tổng quan về dự án có liên quan đến hoạt động sử dụng khu vực biển.
- Khái quát nội dung cơ bản của đề nghị giao khu vực biển.

I. Điều kiện tự nhiên, môi trường, kinh tế, xã hội khu vực biển đề nghị giao

1. Thông tin khái quát về vị trí khu vực biển đề nghị giao; các thông tin về đặc điểm điều kiện tự nhiên, môi trường và các yếu tố kinh tế, xã hội.

2. Hiện trạng các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở vùng biển nơi có khu vực biển đề nghị giao và các khu vực xung quanh có liên quan.

II. Phương án sử dụng khu vực biển

1. Vị trí địa lý hành chính; tọa độ, ranh giới, diện tích của khu vực biển đề nghị giao. Thuyết minh căn cứ, cơ sở tính toán, xác định phạm vi khu vực biển đề nghị được giao để sử dụng; hành lang an toàn các công trình, thiết bị (nếu có) theo quy định của pháp luật chuyên ngành; độ cao, độ sâu khu vực biển dự kiến sử dụng.

2. Nhu cầu sử dụng khu vực biển để thực hiện các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển của tổ chức, cá nhân.

3. Các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Các quy hoạch liên quan đến hoạt động sử dụng khu vực biển, vị trí khu vực biển đề nghị giao; việc bảo đảm các yêu cầu trong trường hợp chưa có các quy hoạch theo quy định.

4. Mục đích, thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển.

5. Các hoạt động dự kiến thực hiện tại khu vực biển đề nghị giao.

- Thuyết minh về các hoạt động dự kiến thực hiện tại khu vực biển đề nghị giao; phạm vi ảnh hưởng của hoạt động sử dụng khu vực biển dự kiến thực hiện đến các hoạt động khác xung quanh;

- Phương pháp, công nghệ thực hiện; phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nêu rõ thông số kỹ thuật) và chiều cao của phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nếu có); vật liệu nổ, hóa chất dự kiến sử dụng (nếu có); các hoạt động khoan, đào, vị trí, tọa độ, độ sâu, số lượng khoan, đào (nếu có);

6. Kế hoạch, tiến độ thực hiện các hoạt động sử dụng khu vực biển.

III. Bản đồ khu vực biển

1. Thuyết minh cơ sở toán học của bản đồ khu vực biển.
2. Thuyết minh phương pháp biên vẽ bản đồ khu vực biển; các vấn đề kỹ thuật khi thực hiện biên vẽ; cơ sở pháp lý, tài liệu sử dụng để biên vẽ bản đồ.
3. Đơn vị thực hiện biên vẽ bản đồ khu vực biển, bao gồm các tài liệu khẳng định đủ điều kiện hoạt động đo đạc bản đồ.
4. Công tác kiểm tra kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan.

IV. Đánh giá tác động của hoạt động sử dụng khu vực biển

1. Đánh giá, thuyết minh về hoạt động sử dụng khu vực biển với việc bảo đảm phù hợp với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng của khu vực biển theo phương thức quản lý tổng hợp tài nguyên biển trên tiếp cận hệ sinh thái; đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học biển và hải đảo, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.
2. Đánh giá về các tác động, ảnh hưởng của việc sử dụng khu vực biển với việc đảm bảo lợi ích của tổ chức, cá nhân khác đang được phép tiến hành hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển hợp pháp tại vùng biển liên quan; việc bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.
3. Đánh giá về các tác động, ảnh hưởng của việc sử dụng khu vực biển với các hoạt động điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đang được tiến hành hợp pháp tại khu vực; tác động, ảnh hưởng đến công trình cảng biển và luồng hàng hải, việc đi lại của tàu thuyền, công trình dầu khí, đường cáp quang, cáp điện tại khu vực; tác động, ảnh hưởng đến hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực; tác động, ảnh hưởng đến tài nguyên, hệ sinh thái biển, hải đảo tại khu vực; tác động, ảnh hưởng đến địa hình đáy biển và xói lở, bồi tụ bờ biển.
4. Thuyết minh về các điều chỉnh, bổ sung nội dung của hoạt động sử dụng khu vực biển và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; việc thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.
5. Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

B. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

II. Kiến nghị

C. TÀI LIỆU KÈM THEO

Liệt kê các văn bản, tài liệu có liên quan.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....(địa danh), ngày..... tháng.....năm.....

**BẢN THUYẾT MINH HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC/
ĐO ĐẠC/QUAN TRẮC/ĐIỀU TRA/THĂM DÒ/KHẢO SÁT TRÊN BIỂN**

1. Thông tin khái quát về tổ chức, cá nhân đề nghị giao khu vực biển; thông tin khái quát về tổ chức, cá nhân (nhà thầu, tư vấn...) trực tiếp thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển trong đó bao gồm thông tin về năng lực tài chính, nhân lực, chuyên môn, kinh nghiệm thực hiện các hoạt động có liên quan.

2. Mục đích, thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển.

3. Vị trí, tọa độ, ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển đề nghị thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển (chi tiết cho từng hạng mục). Các thông tin khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên ở khu vực biển đề nghị giao và các khu vực xung quanh có liên quan.

4. Kế hoạch triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển (bao gồm thời hạn, lịch trình chi tiết cho từng hạng mục).

5. Phương pháp, công nghệ thực hiện; phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nêu rõ thông số kỹ thuật) và chiều cao của phương tiện, thiết bị sử dụng, lắp đặt (nếu có); vật liệu nổ, hóa chất dự kiến sử dụng (nếu có).

6. Mô tả chi tiết các hoạt động khảo sát địa vật lý, khảo sát địa kỹ thuật; vị trí, số lượng, phương thức lấy mẫu, loại mẫu thực hiện (nếu có); vị trí, tọa độ, độ sâu, số lượng khoan, đào (nếu có); mô tả chi tiết phương án kỹ thuật triển khai công tác khoan, phương án hủy giếng khoan, tác động đến môi trường và việc phục hồi môi trường sau khi khoan.

7. Tác động đến môi trường và các giải pháp bảo vệ môi trường khi thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học/đo đạc/quan trắc/điều tra/thăm dò/khảo sát trên biển ở khu vực biển đề nghị giao.

8. Dự kiến thông tin, dữ liệu thu thập; phương thức thu thập, lưu trữ, truyền thông tin, dữ liệu; việc sử dụng thông tin, dữ liệu thu thập được.

9. Dự án, hoạt động dự kiến thực hiện, diện tích khu vực biển dự kiến sử dụng; hiệu quả kinh tế, xã hội của dự án, hoạt động dự kiến thực hiện sau khi hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học, đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

Ký (đóng dấu)

(Họ và tên)

2. Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (Mã số TTHC: 1.004935)

2.1. Trình tự thực hiện

2.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Trường hợp chưa có Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thì Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

2.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP). Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

2.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa.

2.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ra quyết định giao khu vực biển. Trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

2.2. Cách thức thực hiện

2.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

2.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

2.3.1. Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Đơn đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển (được lập theo Mẫu số 02 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được bổ sung tại Nghị định số

65/2025/NĐ-CP)).

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử Quyết định giao khu vực biển đã được cấp.

- Bản sao văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn hoặc còn thời hạn.

- Bản chính Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển.

2.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết

2.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

2.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Thời gian các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ. Thời gian tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị; quá thời hạn này mà cơ quan thẩm định hồ sơ

không nhận được văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình của tổ chức, cá nhân thì cơ quan thẩm định hồ sơ gửi thông tin đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ để có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân về việc không giao khu vực biển.

2.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

Thời hạn trình hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ.

2.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

2.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

2.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển

2.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan.

2.6.3. Cơ quan phối hợp: Các bộ, ngành và sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu 06 Phụ lục của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 02	Đơn đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển.
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

a) Tổ chức, cá nhân đang được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao sử dụng khu vực biển;

b) Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị gia hạn thời hạn;

c) Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP;

d) Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 20 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 02

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI HẠN SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số...., ngày.... tháng... năm.... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số.....cấp ngày.....thay đổi lần...(nếu thay đổi) ngày.....hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....(trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc số định danh cá nhân....cấp ngày...tháng...năm...do .cấp (nếu là cá nhân).

Được phép sử dụng khu vực biển tại xã ..., huyện ., tỉnh ... theo Quyết định giao khu vực biển số .ngày...thángnămỦy ban nhân dân cấp tỉnh...

Đề nghị được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, thời gian gia hạn(tháng/năm).

Mục đích đang sử dụng khu vực biển: (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển).....

Diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha), độ sâu sử dụng:...m, từ...m đến....m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ, độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển...m được thể hiện trên sơ đồ khu vực biển.

Lý do đề nghị gia hạn

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH...

*Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;**Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;**Xét Đơn và hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính/Trung tâm Phục vụ hành chính công (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh/Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện...);**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh...*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được

phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.... có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số... ngày... tháng... năm... (trong trường hợp hợp sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại một phần khu vực biển).

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh.... (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNNMT/CBHĐVN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;
- Bộ, ngành/sở, ban, ngành/phòng, ban, cơ quan có liên quan;
- Sở NNMT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- UBND huyện..;
- Phòng NNMT..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 12

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng khu vực biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đối với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân (Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu) số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....
- Quy mô hoạt động:
- Tổng vốn đầu tư:
- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:
- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).
- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).
- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.
- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.
- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

.....

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục
THÔNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG BIỂN
TRÊN KHU VỰC BIỂN ĐƯỢC GIAO

STT	Mục đích/ hoạt động sử dụng	Diện tích khu vực biển	Tọa độ khu vực biển			Thời gian sử dụng khu vực biển		Ghi chú
			Kinh tuyến trực... múi chiều...			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Sử dụng khu vực biển để...	... ha/m ²	STT	X	Y		-	
			1	...	...			
			2	...	...			
2	...	...	...	...	...	...	...	...

Chữ ký số của tổ chức (nếu

Mẫu số 10

là biểu mẫu điện tử)

UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ
Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

3. Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 1.005399)

3.1. Trình tự thực hiện

3.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Trường hợp chưa có Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thì Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

3.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP). Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa.

3.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép trả lại khu vực biển.

Cơ quan có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển xem xét, ra quyết định cho phép trả lại khu vực biển. Trường hợp không ra quyết định thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi nhận được kết quả giải quyết hồ sơ, có trách nhiệm:

- Thông báo cho tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định;

- Gửi quyết định cho phép trả lại khu vực biển đến Cục thuế nơi có khu vực biển được trả lại để xác định và thông báo số tiền sử dụng biển được hoàn trả (nếu có), các khoản nghĩa vụ tài chính mà tổ chức, cá nhân phải thực hiện.

3.2. Cách thức thực hiện

3.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ

quan tiếp nhận hồ sơ.

3.2.3. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.3.1. Hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển bao gồm:

- Bản chính Đơn đề nghị trả lại khu vực biển theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;

- Bản chính Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển theo Mẫu số 12 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

- Bản chính Bản đồ khu vực biển (đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực biển) theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

3.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết

3.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

3.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc đối với đề nghị trả lại một phần khu vực biển hoặc không quá 15 ngày làm việc đối với đề nghị trả lại toàn bộ khu vực biển, kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Thời gian các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ. Thời gian tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị; quá thời hạn này mà cơ quan thẩm định hồ sơ không nhận được văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình của tổ chức, cá nhân thì cơ quan thẩm định hồ sơ gửi thông tin đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ để có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân về việc không giao khu vực biển.

3.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

Thời hạn trình hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ.

3.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

3.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển

3.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan.

3.6.3. Cơ quan phối hợp: Các bộ, ngành và sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại toàn bộ khu vực biển, việc cho

phép trả lại được thể hiện bằng Quyết định cho phép trả lại khu vực biển theo Mẫu số 07 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại một phần khu vực biển, việc cho phép trả lại được thể hiện bằng Quyết định giao khu vực biển mới đối với phần diện tích khu vực biển còn lại. Trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 03	Đơn đề nghị trả lại hoặc trả lại một phần khu vực biển.
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 07	Quyết định về việc cho phép trả lại khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Tổ chức, cá nhân được trả lại một phần hoặc toàn bộ khu vực biển đã được giao khi không còn nhu cầu sử dụng;

b) Tổ chức, cá nhân trả lại khu vực biển phải thực hiện các biện pháp phục hồi môi trường biển tại khu vực biển đã được giao mà trả lại; phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để khai thác tài nguyên không tái tạo không được trả lại một phần diện tích khu vực biển đã được giao;

c) Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ trả lại khu vực biển theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 21 Điều 2 Nghị định 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5

năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 03

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh...

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

- Quyết định thành lập số..., ngày... tháng... năm... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số....cấp ngày.... thay đổi lần....(nếu thay đổi) ngày....hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....(trường hợp đổi với tổ chức).

- Ngày,tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc sổ định danh cá nhân...cấp ngày...tháng...năm...do....cấp (nếu là cá nhân).

- Đề nghị được trả lại khu vực biển theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng... năm .. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc giao khu vực biển.

- Hoặc đề nghị được trả lại một phần khu vực biển có diện tíchtrong tổng số diện tích.....ha được giao theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng... năm .. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Lý do đề nghị trả lại

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Mẫu số 05

(Còn lại sau khi đã trả một phần khu vực biển)

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

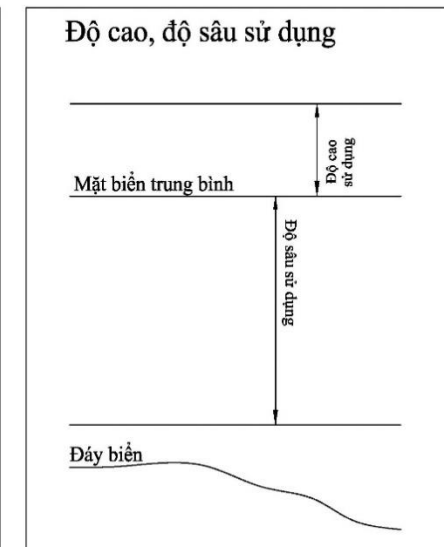
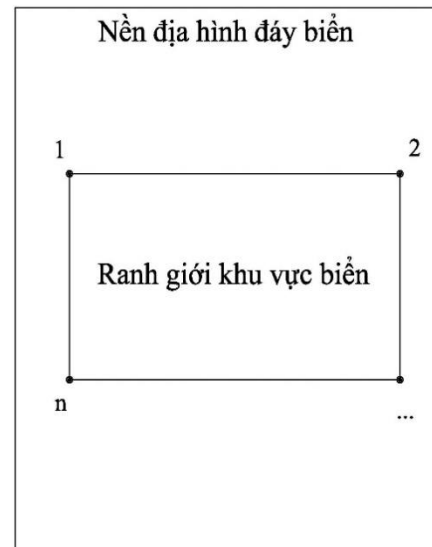
Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)

(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc từ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:  Khu vực biển sử dụng Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm Đường 3 hải lý (nếu có) Đường 6 hải lý (nếu có)**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép trả lại khu vực biển**ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;**Căn cứ...;³**Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển của (tên tổ chức, cá nhân)**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được trả lại khu vực biển hoặc trả lại một phần khu vực biển với diện tíchha trên tổng số diện tích khu vực biển đã giao là ...ha theo Quyết định giao khu vực biển số ... ngày ... tháng ... năm ... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trụ sở/địa chỉ:.....Điện thoại: Fax:Email:.....

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên tổ chức, cá nhân) phải chấm dứt hoạt động sử dụng khu vực biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường biển trong thời gian sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp cải thiện, phục hồi môi trường tại khu vực

³ Các căn cứ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quyết định giao khu vực biển chỉ ghi các văn bản liên quan trực tiếp đến cơ quan ban hành Quyết định giao khu vực biển theo thẩm quyền giao khu vực biển. Có thể bổ sung thêm các căn cứ là văn bản liên quan trực tiếp đến việc ban hành quyết định cho phù hợp.

biên được giao sử dụng và các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

3.....

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và tổ chức, cá nhân... có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNN&MT/TCBHĐVBN;
- Sở NN&MT cấp tỉnh ...;
- Cục Thuế cấp tỉnh....;
- UBND huyện...;
- Phòng NN&MT..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH...

*Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;**Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;**Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính/Trung tâm Phục vụ hành chính công (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh/Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện...);**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh...***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.**

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

2. Cho phép trả lại ... (trường hợp cho phép trả lại một phần khu vực biển).

- Cho phép trả lại khu vực biển có diện tích:... (ha/m²); vị trí, tọa độ khu vực biển trả lại tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- (Tên tổ chức, cá nhân) ... có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển đối với phần diện tích ... ha/m² được phép trả lại cho đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.... có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ

được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số... ngày... tháng... năm... (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại một phần khu vực biển).

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh.... (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNNMT/CBHĐVN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;
- Bộ, ngành/sở, ban, ngành/phòng, ban, cơ quan có liên quan;
- Sở NNMT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- UBND huyện..;
- Phòng NNMT..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ
Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Mẫu số 12
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng khu vực biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đối với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân (Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu) số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:
- Tổng vốn đầu tư:
- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:
- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).
- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).
- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.
- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.
- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

4. Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 1.005400)

4.1. Trình tự thực hiện

4.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Trường hợp chưa có Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thì Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

4.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP). Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ

Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền quyết định gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan; tổ chức kiểm tra thực địa.

4.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ra quyết định giao khu vực biển. Trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

4.2. Cách thức thực hiện

a) Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

b) Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

4.3.1 Thành phần hồ sơ

- Bản chính Đơn sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;

- Bản sao văn bản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận thể hiện nội dung quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

4.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết

4.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

4.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 30 ngày làm việc kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc. Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông

tin, giải trình những nội dung cần làm rõ. Thời gian tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị; quá thời hạn này mà cơ quan thẩm định hồ sơ không nhận được văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình của tổ chức, cá nhân thì cơ quan thẩm định hồ sơ gửi thông tin đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ để có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân về việc không giao khu vực biển.

4.5. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

Thời hạn trình hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ.

Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

4.6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

4.7. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

4.7.1. *Cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển

4.7.2. *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan.

4.7.3. *Cơ quan phối hợp:* Các bộ, ngành và sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan.

4.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển theo Mẫu 06 Phụ lục của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4.9. Phí, lệ phí: Không quy định.

4.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 04	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.

Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển.
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

4.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Quyết định giao khu vực biển được xem xét sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau đây:

- Thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển nhưng không làm thay đổi về sở hữu của tổ chức, cá nhân trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP;

- Thay đổi về sở hữu của tổ chức, cá nhân đã được giao khu vực biển trong trường hợp nếu cá nhân hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân đã chết mà có người thừa kế;

- Tổ chức, cá nhân đã được giao khu vực biển chuyển nhượng dự án đầu tư gắn với quyền sử dụng khu vực biển (chỉ được thực hiện khi khu vực biển đó đã được đầu tư theo dự án); thay đổi nhà đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, chấp thuận, điều chỉnh theo quy định của pháp luật đầu tư; chia tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp;

- Thay đổi về độ sâu; chiều cao công trình, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao do đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được điều chỉnh; tăng diện tích sử dụng khu vực biển trong trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc điều chỉnh văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển; thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao trong trường hợp một phần khu vực biển bị thu hồi để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật;

- Thay đổi nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ nuôi trồng thủy sản và nhiệm vụ khoa học, công nghệ biển khác có sử dụng diện tích khu vực biển có định dẫn đến thay đổi nội dung quyết định giao khu vực biển.

b) Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

c) Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển, tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và quyết định giao khu vực biển còn hiệu lực;

d) Việc sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển được thể hiện bằng quyết định giao khu vực biển mới. Thời hạn giao khu vực biển là thời hạn còn lại của quyết định giao khu vực biển trước đó;

đ) Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân đã được giao khu vực biển trước khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng dự án đầu tư gắn với quyền sử dụng khu vực biển, thay đổi nhà đầu tư; chia tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp phải gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

4.13. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số..., ngày... tháng... năm... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số....cấp ngày....thay đổi lần....(nếu thay đổi) ngày....hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....(trường hợp đối với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc số định danh cá nhân...cấp ngày...tháng...năm...do....cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển số, ngày tháng năm của: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh... về việc giao khu vực biển tại khu vực... thuộc xã..., huyện....

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển:

Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH...*Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;**Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;**Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh...);**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh...***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.****1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).****- Mục đích sử dụng khu vực biển:****- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ....m đến....m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).****- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).****- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến**

ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....
- (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.... có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số... ngày... tháng... năm... (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại một phần khu vực biển).

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh.... (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNNMT/CBHĐVN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;
- Bộ, ngành/sở, ban, ngành/phòng, ban, cơ quan có liên quan;
- Sở NNMT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- UBND huyện...;
- Phòng NNMT..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP TỈNH
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

5. Công nhận khu vực biển (Mã số TTHC: 1.009481)

5.1. Trình tự thực hiện

5.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Trường hợp chưa có Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thì Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

5.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP). Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

5.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa.

5.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận khu vực biển bằng Quyết định giao khu vực biển. Trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

5.2. Cách thức thực hiện

5.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

5.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

5.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị công nhận khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

- Bản chính hợp đồng cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP; bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử văn bản có chứng thực cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển theo Mẫu số 12 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP;

- Bản đồ khu vực biển được lập theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

5.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết

5.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

5.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ:

Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Thời gian các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ. Thời gian tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình không tính vào thời gian thẩm định

hồ sơ. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị; quá thời hạn này mà cơ quan thẩm định hồ sơ không nhận được văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình của tổ chức, cá nhân thì cơ quan thẩm định hồ sơ gửi thông tin đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ để có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân về việc không giao khu vực biển.

5.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:

Thời hạn trình hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ.

5.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền công nhận khu vực biển bằng Quyết định giao khu vực biển.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

5.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển

5.6.1. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

5.6.2 Cơ quan phối hợp: Các bộ, ngành và sở, ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị có liên quan.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu 06 Phụ lục của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị công nhận khu vực biển.
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển.
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định số 11/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành; tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định số 51/2014/NĐ-CP có hiệu lực thi hành;

b) Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP;

c) Tổ chức, cá nhân phải nộp đủ hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 18 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh...

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số ... cấp ngày ... tháng ... năm ... thay đổi lần ... (nếu thay đổi) ngày ... tháng ... năm ... hoặc Đăng ký kinh doanh số ... ngày ... tháng ... năm ... (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được giao/công nhận hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., huyện..., tỉnh ...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ...; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m được thể hiện trên bản đồ/sơ đồ khu vực biển.

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):
.....

(Tên tổ chức, cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Mẫu số 05

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

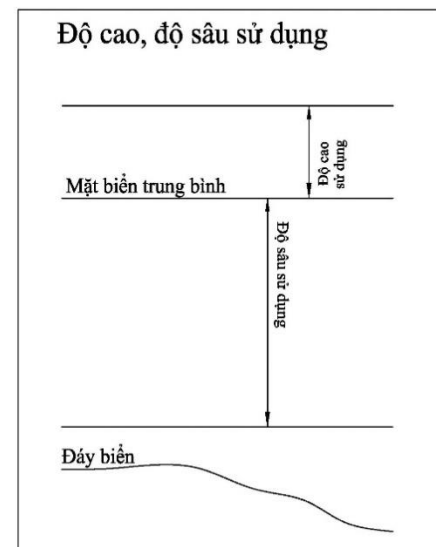
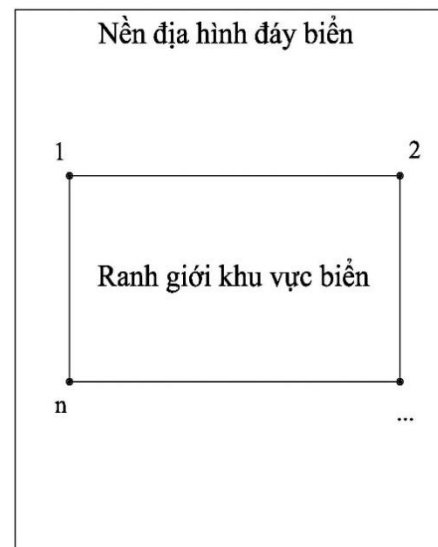
Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)

(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

- Khu vực biển sử dụng
- Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm
- Đường 3 hải lý (nếu có)
- Đường 6 hải lý (nếu có)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển**ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH...***Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;**Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;**Xét đơn và hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính/Trung tâm Phục vụ hành chính công (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh/Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện...);**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh...***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.****1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).****- Mục đích sử dụng khu vực biển:****- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).****- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được**

phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...
- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....
- (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.... có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số... ngày... tháng... năm... (trong trường hợp hợp sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại một phần khu vực biển).

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh.... (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNNMT/CBHĐVN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;
- Bộ, ngành/sở, ban, ngành/phòng, ban, cơ quan có liên quan;
- Sở NNMT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- UBND huyện..;
- Phòng NNMT..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức
(nếu là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
UBND CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

Mẫu số 12

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng khu vực biển:

Quyết định thành lập số..., ngày ... tháng ... năm ... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã doanh nghiệp số... cấp ngày ... thay đổi lần... (nếu thay đổi) ngày ... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng ... năm (trường hợp đổi với tổ chức).

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

3. Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đổi với tổ chức):

- Họ và tên.....

- Chức vụ.....

- Năm sinh.....

- Quốc tịch.....

- Số định danh cá nhân, căn cước công dân (Chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu) số.....; cấp ngày.....; nơi cấp.....

- Địa chỉ thường trú.....

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:
- Mục đích hoạt động:.....
- Quy mô hoạt động:
- Tổng vốn đầu tư:
- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:
- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).
- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).
- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.
- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.
- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.
- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

.....

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục
THỐNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG BIỂN
TRÊN KHU VỰC BIỂN ĐƯỢC GIAO

STT	Mục đích/ hoạt động sử dụng	Diện tích khu vực biển	Tọa độ khu vực biển			Thời gian sử dụng khu vực biển		Ghi chú
			Kinh tuyến trực... múi chiều...			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Sử dụng khu vực biển để...	... ha/m ²	STT	X	Y		-	
			1	...	...			
			2	...	...			
2	...	...	...	...	...	...	...	...

6. Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 1.005189)

6.1. Trình tự thực hiện

6.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (TTHCC). Trường hợp chưa có TTHCC thì Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

6.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức TTHCC có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, TTHCC hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

6.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

6.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển xem xét, ra quyết định cấp Giấy phép nhận chìm ở biển; trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

6.2. Cách thức thực hiện

6.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho TTHCC.

6.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại TTHCC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

6.3.1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Dự án nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường không phải là cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép nhận chìm ở biển.

- Bản đồ khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm được lập theo Mẫu số 05 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025).

6.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết

6.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, TTHCC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, TTHCC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, TTHCC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, TTHCC chuyển ngay cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.

6.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 10 ngày.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 30 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

6.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

6.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

6.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

6.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

6.6.3. Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp không cấp Giấy phép nhận chìm, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản thông báo cho TTHCC.

6.8. Phí, lệ phí: thực hiện theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 03	Dự án nhận chìm ở biển
Mẫu số 04	Đơn đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 11	Giấy phép nhận chìm ở biển
Mẫu số 14	Phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ đề nghị (cấp, cấp lại, gia hạn, trả lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển)

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

a) Vật, chất được phép nhận chìm đáp ứng các Điều kiện sau đây:

- Không chứa chất phóng xạ, chất độc vượt quy chuẩn kỹ thuật an toàn bức xạ, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; bảo đảm không tác động có hại đến sức khỏe con người, môi trường, hệ sinh thái, nguồn lợi thủy sản.

- Không thể đổ thải, lưu giữ, xử lý trên đất liền hoặc việc đổ thải, lưu giữ, xử lý trên đất liền không hiệu quả về kinh tế - xã hội.

- Thuộc Danh mục vật, chất được nhận chìm ở biển.

b) Có phương án nhận chìm bảo đảm yêu cầu: việc nhận chìm ở biển không được gây ra tác động có hại đến sức khỏe con người, tiềm năng phát triển kinh tế của đất nước; hạn chế tối đa ảnh hưởng xấu tới môi trường, hệ sinh thái biển.

c) Khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm phù hợp với quy hoạch sử dụng biển, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(tên loại vật, chất nhận chìm ở biển)

Địa danh nơi lập dự án, năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nhận chìm ở biển)

DỰ ÁN NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Tên loại vật, chất nhận chìm ở biển:)

Nhận chìm ở khu vực biển thuộc xã/phường ..., quận/huyện..., tỉnh/thành phố...)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Chức danh)

Ký (đóng dấu nếu có)

(Họ và tên)

ĐƠN VỊ LẬP DỰ ÁN

(Chức danh)

Ký, đóng dấu

(Họ và tên)

Địa danh nơi lập Dự án, Năm 20...

A. NỘI DUNG DỰ ÁN NHẬN CHÌM

MỞ ĐẦU

- Giới thiệu tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép nhận chìm ở biển.
- Cơ sở pháp lý và các tài liệu sử dụng làm căn cứ lập dự án.
- Mục tiêu và sự cần thiết lập dự án.
- Khái quát nội dung cơ bản của dự án.
- Quá trình xây dựng dự án và các tổ chức, cá nhân tham gia lập dự án.

Chương I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, MÔI TRƯỜNG, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA KHU VỰC BIỂN ĐỀ NGHỊ NHẬN CHÌM

- Vị trí địa lý hành chính; tọa độ, ranh giới, diện tích của khu vực biển đề nghị nhận chìm.
- Các thông tin về đặc điểm điều kiện tự nhiên, môi trường và các yếu tố kinh tế, xã hội; hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên ở khu vực biển dự kiến nhận chìm và các khu vực khác có liên quan *(nếu có)*.
- Các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển nhận chìm và các khu vực khác có liên quan *(nếu có)*.

Chương II

PHƯƠNG ÁN NHẬN CHÌM

- Trình bày về vật, chất đề nghị cấp giấy phép nhận chìm: tên, nguồn gốc, hình dáng, kích thước, khối lượng, các đặc tính vật lý, hóa học và thành phần của vật, chất đề nghị được nhận chìm.
- Trình bày luận chứng, thuyết minh về mức độ chiếm dụng phân tán trong môi trường nước biển của vật, chất nhận chìm để xác định phạm vi khu vực biển cần sử dụng để nhận chìm.
- Thuyết minh mô tả hình dáng, sơ đồ bố trí vật, chất nhận chìm và tính toán, xác định phạm vi ảnh hưởng.
- Trình bày luận chứng, thuyết minh sự phù hợp về phương thức xử lý vật, chất đề nghị nhận chìm và phương thức nhận chìm, phương tiện chuyên chở.
- Khả năng kiểm soát, giảm thiểu vật, chất đề nghị nhận chìm ở biển tại nguồn phát sinh.
- Danh sách các chất cần kiểm soát trong vật, chất đề nghị nhận chìm ở biển.
- Trình bày kế hoạch, tiến độ thực hiện hoạt động nhận chìm.

Chương III

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- Dự báo các tác động, nguy cơ rủi ro cho môi trường biển do vật, chất đề nghị cấp giấy phép nhận chìm có thể gây ra.

- Tác động tiềm năng của vật, chất đề nghị được nhận chìm đến tài nguyên, môi trường biển.

- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên, môi trường biển trong quá trình thực hiện hoạt động nhận chìm.

Chương IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ NHẬN CHÌM

- Trình bày tổng kinh phí thực hiện hoạt động nhận chìm.

- Lập bảng tổng hợp khối lượng hạng Mục nhận chìm và dự toán kinh phí.

- Khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện hoạt động nhận chìm.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

B. PHẦN BẢN VẼ

- Bản đồ khu vực biển dự kiến nhận chìm.

- Bản vẽ thiết kế sơ bộ của phương án nhận chìm.

- Các biểu, bảng khác liên quan.

C. CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập dự án nhận chìm

- Tài liệu thu thập, tổng hợp phục vụ cho lập dự án nhận chìm.

- Các văn bản pháp lý có liên quan.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành...)

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Trụ sở tại:

Điện thoại:Fax:

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày.... tháng... năm.... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư)(nếu có).

Đề nghị được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển, cụ thể như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật đề nghị nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của chất đề nghị nhận chìm;
2. Địa điểm khu vực đề nghị được nhận chìm: tại xã/phường quận/huyện tỉnh/thành phố....;
3. Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng để nhận chìm là: ... (ha, Km²), được giới hạn bởi các Điểm góc..... có tọa độ thể hiện trên Bản đồ khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm gửi kèm theo;
4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm;
5. Thời điểm và thời hạn đề nghị thực hiện hoạt động nhận chìm.

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN

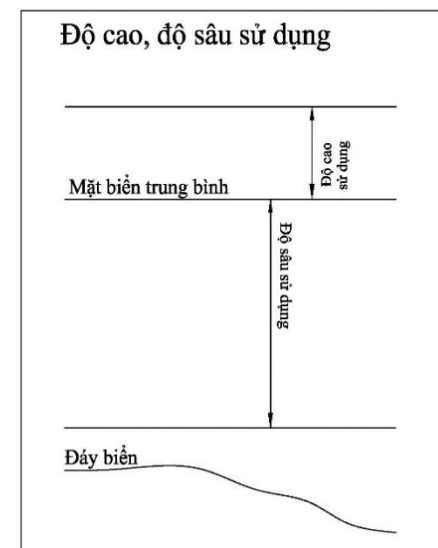
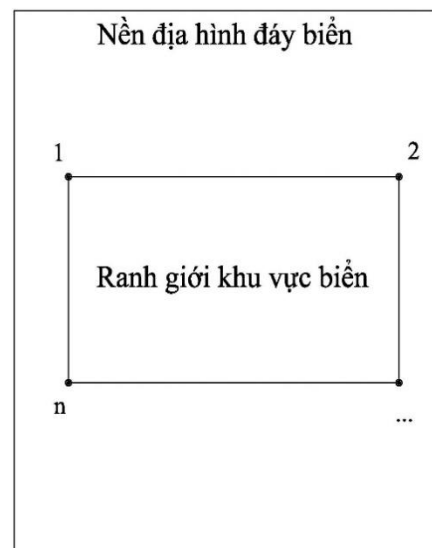
Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)

- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải: Khu vực biển sử dụng

Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

Đường 3 hải lý (nếu có)

Đường 6 hải lý (nếu có)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)

(Ký tên, đóng dấu)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Bìa màu trắng)

Số.....
Ngày cấp.....

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN)

Số: .../GP-(BNNMT,UBND)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng năm

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....)

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm ...);

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.
2. Địa điểm khu vực nhận chìm:
3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.
4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

6.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. (Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,...) căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... (Bộ NN&MT);
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT ...;
-;
- (Tên tổ chức, cá nhân);
- Lưu: HS, VT.

BỘ TRƯỞNG
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 14

[illegible]

7. Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 2.000472)

7.1. Trình tự thực hiện

7.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển nộp 01 bộ hồ sơ cho TTHCC hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

7.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức TTHCC có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, TTHCC hướng dẫn tổ chức, cá nhân đề bổ sung, hoàn thiện.

7.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

7.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển xem xét, ra quyết định gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển; trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

7.2. Cách thức thực hiện

7.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho TTHCC.

7.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại TTHCC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

7.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Giấy phép nhận chìm ở biển đã được cấp.

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

7.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết

7.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, TTHCC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, TTHCC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, TTHCC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, TTHCC chuyển ngay cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.

7.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 10 ngày.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 30 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

7.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

7.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

7.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

7.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

7.6.3. Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhận chìm ở biển (gia hạn). Trường hợp không cấp Giấy phép nhận chìm (gia hạn), Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản thông báo cho TTHCC.

7.8. Phí, lệ phí: thực hiện theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 06	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển
Mẫu số 11	Giấy phép nhận chìm ở biển
Mẫu số 14	Phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ đề nghị (cấp, cấp lại, gia hạn, trả lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển)

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

7.10.1. Giấy phép nhận chìm còn hiệu lực ít nhất là 60 ngày.

7.10.2. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nhận chìm theo đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm; đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.

7.10.3. Đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10

tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tên tổ chức, cá nhân.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: Fax.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày... tháng... năm... hoặc
 Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Được phép nhận chìm vật, chất ở biển theo Giấy phép nhận chìm ở biển số
 ngày thángnăm của ... Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy
 ban nhân dân tỉnh, thành phố ...); thời hạn Giấy phép nhận chìm ở biển đến hết
 ngày tháng ... năm

Đề nghị được gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển nêu trên, thời gian đề
 nghị gia hạn là: (tháng/năm).

Lý do đề nghị gia hạn:

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của
 pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Bìa màu trắng)

Số.....
Ngày cấp.....

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN)

Số: .../GP-(BNNMT,UBND)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng năm

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....)

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm ...);

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm:

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

6.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. (Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,...) căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... (Bộ NN&MT);
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT ...;
-;
- (Tên tổ chức, cá nhân);
- Lưu: HS, VT.

BỘ TRƯỞNG
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 14

CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM/ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc , ngày... tháng... năm 202 PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ HẸN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ (CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, TRẢ LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN) Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở NN&MT...) đã nhận của ông (bà, tổ chức):ĐT..... Tên/loại hồ sơ: Loại vật, chất nhận chìm ở biển: Địa điểm khu vực nhận chìm: Gồm các loại giấy tờ sau: Ngày hẹn đến giải quyết hồ sơ: Người nộp hồ sơ Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ TL. CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC SỞ hồ sơ nhận hồ sơ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký tên, đóng dấu)	CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM/ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc , ngày... tháng... năm 202 PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ HẸN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ (CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, TRẢ LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN) Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở NN&MT...) đã nhận của ông (bà, tổ chức):ĐT..... Tên/loại hồ sơ: Loại vật, chất nhận chìm ở biển: Địa điểm khu vực nhận chìm: Gồm các loại giấy tờ sau: Ngày hẹn đến giải quyết hồ sơ: Người nộp hồ sơ Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ TL. CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC SỞ hồ sơ nhận hồ sơ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký tên, đóng dấu)
--	--

Đóng dấu
giáp lại

8. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 1.000969)

8.1. Trình tự thực hiện

8.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển nộp 01 bộ hồ sơ cho TTHCC hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

8.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức TTHCC có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, TTHCC hướng dẫn tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện.

8.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

8.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển xem xét, ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển; trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

8.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

8.2. Cách thức thực hiện

8.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho TTHCC.

8.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại TTHCC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

8.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển trong đó nêu rõ lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung được lập theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Giấy phép nhận chìm ở biển đã được cấp.

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển.

- Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền; báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển do có sự thay đổi quy mô nhận chìm; ranh giới, diện tích khu vực biển sử dụng để nhận chìm trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường không phải là cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển.

- Bản đồ khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm được lập theo Mẫu số 05 ban hành tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025).

8.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết

8.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, TTHCC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, TTHCC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, TTHCC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, TTHCC chuyển ngay cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.

8.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 10 ngày.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 30 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

8.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

8.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

8.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

8.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

8.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

8.6.3. Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhận chìm ở biển (sửa đổi, bổ sung). Trường hợp không cấp Giấy phép nhận chìm (sửa đổi, bổ sung), Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản thông báo cho TTHCC.

8.8. Phí, lệ phí: thực hiện theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 08	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 11	Giấy phép nhận chìm ở biển
Mẫu số 14	Phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ đề nghị (cấp, cấp lại, gia hạn, trả lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển)

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

8.10.1. Giấy phép nhận chìm ở biển còn hiệu lực ít nhất là 45 ngày;

8.10.2. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nhận chìm theo đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm; đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật;

8.10.3. Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày.... tháng... năm.... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm.....

Được phép nhận chìm vật, chất ở biển theo Giấy phép nhận chìm ở biển số ngày tháng năm của ... Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...); thời hạn Giấy phép nhận chìm ở biển đến hết ngày tháng ... năm

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển nêu trên.

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung:

Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

.....

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05**BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN**

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

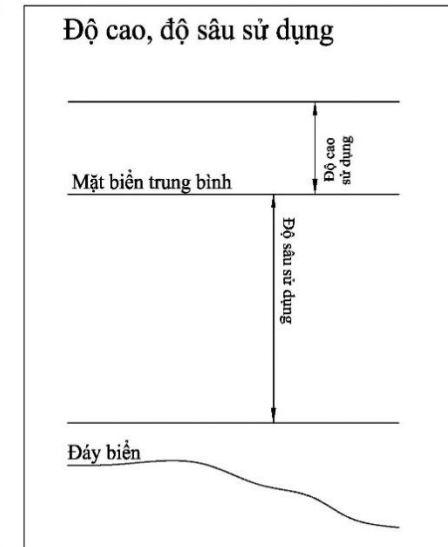
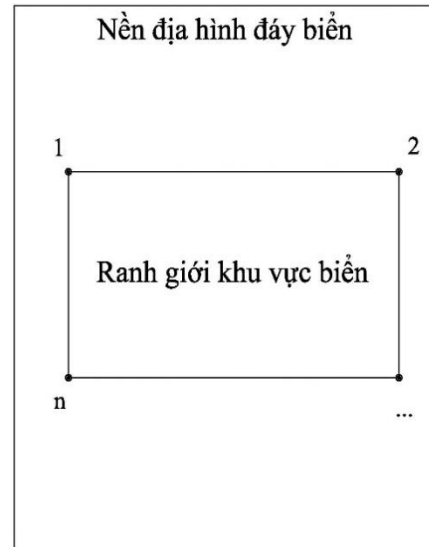
Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao....được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

- Khu vực biển sử dụng
- Đường mếp nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm
- Đường 3 hải lý (nếu có)
- Đường 6 hải lý (nếu có)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 11

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ ...)

(Quốc huy)

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

(Bìa màu trắng)

Số.....
Ngày cấp.....

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN)

Số: .../GP-(BNNMT,UBND)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng năm

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ....)

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng năm của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm ...);

Căn cứ.....;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị (cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển) ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố....).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, kích thước, thành phần của vật, chất được nhận chìm; tên, loại, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm:

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng là: ... (m), được giới hạn bởi các điểm góc ... có tọa độ thể hiện trên Bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này.

4. Phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm:

5. Thời điểm và thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm:

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển, các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi tiến hành nhận chìm phải thực hiện thủ tục giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhận chìm đúng chủng loại, khối lượng, kích thước, thành phần vật, chất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật chất, nhận chìm đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

6.....

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. (Cục Biển và Hải đảo Việt Nam, Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố,...) căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nhận chìm của (Tên tổ chức, cá nhân) theo quy định của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. (Tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành nhận chìm vật, chất ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

Nơi nhận:

- UBND... (Bộ NN&MT);
- Cục B&HĐVN;
- Sở NN&MT ...;
-
- (Tên tổ chức, cá nhân);
- Lưu: HS, VT.

BỘ TRƯỞNG
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 14

CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM/ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc , ngày... tháng... năm 202 PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ HẸN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ (CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, TRẢ LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN) Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở NN&MT...) đã nhận của ông (bà, tổ chức):ĐT..... Tên/loại hồ sơ: Loại vật, chất nhận chìm ở biển: Địa điểm khu vực nhận chìm: Gồm các loại giấy tờ sau: Ngày hẹn đến giải quyết hồ sơ: Người nộp hồ sơ Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ TL. CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC SỞ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký tên, đóng dấu)	CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM/ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc , ngày... tháng... năm 202 PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ HẸN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ (CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, TRẢ LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN) Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở NN&MT...) đã nhận của ông (bà, tổ chức):ĐT..... Tên/loại hồ sơ: Loại vật, chất nhận chìm ở biển: Địa điểm khu vực nhận chìm: Gồm các loại giấy tờ sau: Ngày hẹn đến giải quyết hồ sơ: Người nộp hồ sơ Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ TL. CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC SỞ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký tên, đóng dấu)
---	---

9. Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 1.000942)

9.1. Trình tự thực hiện

9.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển nộp 01 bộ hồ sơ cho TTHCC hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

9.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức TTHCC có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, TTHCC hướng dẫn tổ chức, cá nhân đề bổ sung, hoàn thiện.

9.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

9.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển xem xét, ra quyết định trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển; trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

9.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

9.2. Cách thức thực hiện

9.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho TTHCC.

9.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại TTHCC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

9.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển được lập theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016;
- Giấy phép nhận chìm ở biển đã được cấp;

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

9.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết

9.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, TTHCC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, TTHCC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, TTHCC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, TTHCC chuyển ngay cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.

9.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 10 ngày.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 30 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

9.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

9.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

9.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

9.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

9.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

9.6.3. Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển. Trường hợp không được trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản thông báo cho TTHCC.

9.8. Phí, lệ phí: không quy định.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 07	Đơn đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển
Mẫu số 12	Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển
Mẫu số 14	Phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ đề nghị (cấp, cấp lại, gia hạn, trả lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển)

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

9.10.1. Giấy phép nhận chìm ở biển còn hiệu lực.

9.10.2. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nhận chìm theo đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm; đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.

9.10.3. Đến thời điểm đề nghị trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;
- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.
- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.
- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm

2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

Mẫu số 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh...)

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:, Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số ..., ngày.... tháng... năm.... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Được phép nhận chìm vật, chất ở biển theo Giấy phép nhận chìm ở biển số ngày tháng năm của ... Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...); thời hạn Giấy phép nhận chìm ở biển đến hết ngày tháng ... năm.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển nêu trên.

Lý do đề nghị trả lại

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 12

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN ...)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-(BTNMT, UBND)

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cho phép trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển
BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ.....)**

Căn cứ Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số.../2016/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày ... tháng ... năm....);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép nhận chìm ở biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân).....;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh.....),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức, cá nhân) được trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển số ... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (UBND tỉnh...).

Điều 2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên tổ chức, cá nhân) phải chấm dứt hoạt động nhận chìm ở biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường biển theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh, thành phố...) có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND... (Bộ NNMT);
- Cục BHĐVN;
- Sở NN&MT tỉnh, thành phố...;
- (Tên tổ chức, cá nhân);
- Lưu HS, VT.

BỘ TRƯỞNG
(TM. ỦY BAN NHÂN
DÂN
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 14

CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM/ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc , ngày... tháng... năm 202 PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ HẸN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ (CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, TRẢ LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN) Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở NN&MT...) đã nhận của ông (bà, tổ chức):ĐT..... Tên/loại hồ sơ: Loại vật, chất nhận chìm ở biển: Địa điểm khu vực nhận chìm: Gồm các loại giấy tờ sau: Ngày hẹn đến giải quyết hồ sơ: Người nộp hồ sơ Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ TL. CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC SỞ (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ (Ký tên, đóng dấu)	CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM/ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc , ngày... tháng... năm 202 PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ HẸN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ (CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, TRẢ LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN) Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở NN&MT...) đã nhận của ông (bà, tổ chức):ĐT..... Tên/loại hồ sơ: Loại vật, chất nhận chìm ở biển: Địa điểm khu vực nhận chìm: Gồm các loại giấy tờ sau: Ngày hẹn đến giải quyết hồ sơ: Người nộp hồ sơ Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ TL. CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC SỞ (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ (Ký tên, đóng dấu)
---	---

Đóng dấu

giáp lại

10. Cấp lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh) (Mã số TTHC: 2.000444)

10.1. Trình tự thực hiện

10.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển nộp 01 bộ hồ sơ cho TTHCC hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

10.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Công chức TTHCC có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung, số lượng hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, TTHCC hướng dẫn tổ chức, cá nhân đề bổ sung, hoàn thiện.

10.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển ban hành văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa khu vực biển.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ.

10.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển xem xét, ra quyết định cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển; trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

10.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

10.2. Cách thức thực hiện

10.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho TTHCC.

10.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại TTHCC hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho tổ chức, cá nhân.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

10.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển, trong đó nêu rõ lý do đề nghị cấp lại được lập theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016;

- Báo cáo tình hình, kết quả hoạt động nhận chìm ở biển; công tác bảo vệ môi trường và việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm đề nghị cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển.

10.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết

10.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, TTHCC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, TTHCC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, TTHCC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, TTHCC chuyển ngay cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.

10.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ

a) Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.

- Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 10 ngày.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 30 ngày.

c) Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

10.4.3. Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.

b) Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

10.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

10.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

10.6.1. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển.

10.6.2. Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

10.6.3. Cơ quan phối hợp: các cơ quan có liên quan.

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhận chìm ở biển đã được cấp lại. Trường hợp không cấp lại Giấy phép nhận chìm, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản thông báo cho TTHCC.

10.8. Phí, lệ phí: thực hiện theo Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 05	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển
Mẫu số 14	Phiếu tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ đề nghị (cấp, cấp lại, gia hạn, trả lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển)

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

10.10.1. Giấy phép nhận chìm ở biển còn hiệu lực ít nhất là 30 ngày;

10.10.2. Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động nhận chìm theo đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm; đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật;

10.10.3. Đến thời điểm đề nghị cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên,

môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Kính gửi: (Bộ Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành...)

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở tại:.....

Điện thoại: Fax:.....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày.... tháng... năm.... hoặc Đăng ký kinh doanh số... ngày... tháng... năm....

Được phép nhận chìm ở biển theo Giấy phép nhận chìm ở biển số ngày tháng năm của ... Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ...);

Đề nghị được cấp lại Giấy phép nhận chìm vật, chất ở biển nêu trên vì lý do:

.....

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về nhận chìm ở biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM/ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
....., ngày... tháng... năm 202		
PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ HẸN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ (CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, TRẢ LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN)		
Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở NN&MT...) đã nhận của ông (bà, tổ chức):ĐT.....		
Tên/loại hồ sơ:		
Loại vật, chất nhận chìm ở biển:		
Địa điểm khu vực nhận chìm:		
.....		
Gồm các loại giấy tờ sau:		
Đồng dấu giáp lại		
Ngày hẹn đến giải quyết hồ sơ:		
Người nộp hồ sơ <i>(Ký, họ tên)</i>	Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ <i>(Ký, họ tên)</i>	TL. CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC SỞ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

CỤC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM/ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
....., ngày... tháng... năm 202		
PHIẾU TIẾP NHẬN VÀ HẸN GIẢI QUYẾT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ (CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, TRẢ LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN)		
Cục Biển và Hải đảo Việt Nam (Sở NN&MT...) đã nhận của ông (bà, tổ chức):ĐT.....		
Tên/loại hồ sơ:		
Loại vật, chất nhận chìm ở biển:		
Địa điểm khu vực nhận chìm:		
.....		
Gồm các loại giấy tờ sau:		
Đồng dấu giáp lại		
Ngày hẹn đến giải quyết hồ sơ:		
Người nộp hồ sơ <i>(Ký, họ tên)</i>	Chuyên viên tiếp nhận hồ sơ <i>(Ký, họ tên)</i>	TL. CỤC TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC SỞ Bộ phận tiếp nhận hồ sơ <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

III. Thủ tục hành chính cấp huyện

1. Giao khu vực biển cấp huyện (Mã số TTHC: 1.009483)

1.1. Trình tự thực hiện

1.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản nộp 01 bộ hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; trường hợp chưa có Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì nộp hồ sơ tại Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện.

1.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP). Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

1.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Phòng Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết tổ chức kiểm tra thực địa.

1.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Phòng Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ra quyết định giao khu vực biển. Trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (hoặc Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện) thông báo cho Cá nhân Việt Nam để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

1.2. Cách thức thực hiện

1.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

1.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho Cá nhân Việt Nam.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

1.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị giao khu vực biển được lập theo Mẫu số 01 của Nghị định

số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

- Bản sao một trong các giấy tờ sau: Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc mã Số định danh cá nhân;

- Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc Cá nhân Việt Nam thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản.

- Bản đồ khu vực biển theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

1.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết

1.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

1.4.2. Thời hạn thẩm định: Không quá 30 ngày làm việc kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định, Phòng Nông nghiệp và Môi trường thẩm định xong hồ sơ; trường hợp cần tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc). Thời gian tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

1.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:

a) Thời hạn trình hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện trình hồ sơ;

c) Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ giao khu vực biển từ Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

1.5.1. Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú xác nhận.

1.5.2. Cá nhân Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật sau ngày 15 tháng 7 năm 2014 được quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP phải nộp hồ sơ đề nghị giao khu vực biển theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP và thực hiện thủ tục hành chính về giao khu vực biển được quy định tại mục này.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

1.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện có biển quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản cho Cá nhân Việt Nam theo quy định Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

1.6.2. Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện và các đơn vị có liên quan.

1.6.3. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo Mẫu 06 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP; trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

1.10.1. Cá nhân Việt Nam đề nghị giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Thủy sản nằm trong vùng biển 03 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

1.10.2. Hạn mức giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản không quá 05ha.

1.10.3. Cá nhân Việt Nam phải nộp đủ hồ sơ đề nghị giao khu vực biển theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 15 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp huyện...

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được giao/công nhận hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., huyện..., tỉnh ...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ...; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m được thể hiện trên bản đồ/sơ đồ khu vực biển.

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

.....

(Tên tổ chức, cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN ...

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày .. tháng .. năm .. của (tên cá nhân)... nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (hoặc Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện...);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao khu vực biển cho:.....(Cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên Cá nhân Việt Nam) có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc

sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện, (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT cấp tỉnh ...;
- UBND huyện. ...;
- Phòng TNMT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Đề thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Mẫu số 05

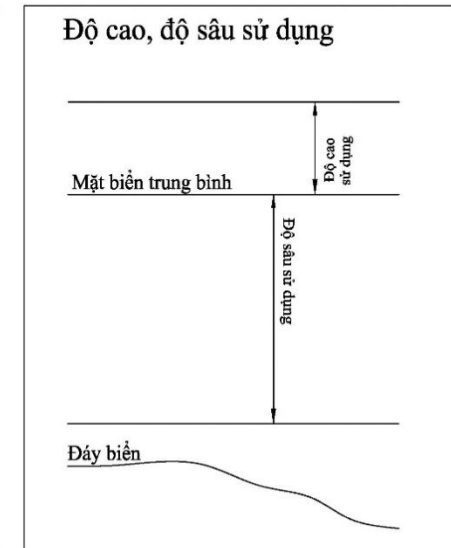
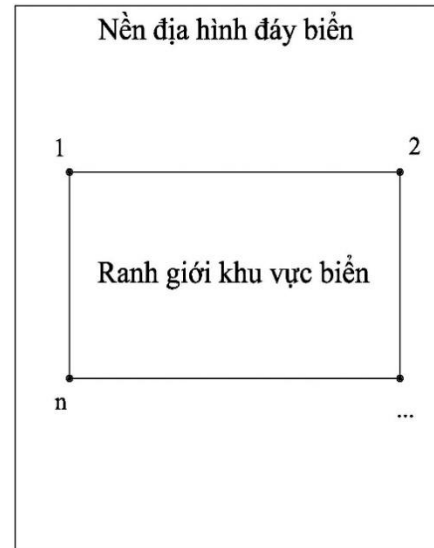
Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao... được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

- Khu vực biển sử dụng
- Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm
- Đường 3 hải lý (nếu có)
- Đường 6 hải lý (nếu có)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP CẤP HUYỆN
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ

Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

2. Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cấp huyện (Mã số TTHC: 1.009484)

2.1. Trình tự thực hiện

2.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; trường hợp chưa có Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì nộp hồ sơ tại Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện.

2.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP). Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

2.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết tổ chức kiểm tra thực địa.

2.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Phòng Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ra quyết định giao khu vực biển kèm theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP. Trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo cho Cá nhân Việt Nam để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

2.2. Cách thức thực hiện

2.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

2.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển (được lập theo Mẫu số 02 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP);

- Bản chính Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;
- Bản sao văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn hoặc còn thời hạn;
- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn.

2.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết

2.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

2.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định, Phòng Nông nghiệp và Môi trường thẩm định xong hồ sơ; trường hợp cần thiết trình Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc). Thời gian tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ. Thời gian tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ

quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị; quá thời hạn này mà cơ quan thẩm định hồ sơ không nhận được văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình của tổ chức, cá nhân thì cơ quan thẩm định hồ sơ gửi thông tin đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ để có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân về việc không giao khu vực biển.

2.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Phòng Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ.

2.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cá nhân Việt Nam chuyên đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú xác nhận

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

2.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện có biển gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho Cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

2.6.2. Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan.

2.6.3. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định về việc giao khu vực biển theo Mẫu 06 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP; trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 02	Đơn đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển

Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

2.10.1. Hạn mức gia hạn thời hạn giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản không quá 05 ha.

2.10.2. Cá nhân Việt Nam đang được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao sử dụng khu vực biển.

2.10.3. Cá nhân Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển đề nghị gia hạn thời hạn.

2.10.4. Khu vực biển đề nghị giao phù hợp với quy hoạch theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

2.10.5. Cá nhân Việt Nam phải nộp đủ hồ sơ đề nghị gia hạn thời hạn giao khu vực biển theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 20 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 02

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI HẠN SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp huyện

Tên Cá nhân Việt Nam.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Số định danh cá nhân....cấp ngày...tháng...năm...do .cấp ..

Được phép sử dụng khu vực biển tại xã ..., huyện ., tỉnh ... theo Quyết định giao khu vực biển số .ngày...thángnămcủa Ủy ban nhân dân cấp huyện...

Đề nghị được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, thời gian gia hạn(tháng/năm).

Mục đích đang sử dụng khu vực biển: (loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển).....

Diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha), độ sâu sử dụng:...m, từ...m đến....m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ, độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển...m được thể hiện trên sơ đồ khu vực biển.

Lý do đề nghị gia hạn

(Tên cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn
(Ký tên hoặc điểm chỉ)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển**ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN CẤP***Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;**Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;**Xét Đơn và hồ sơ đề nghị gia hạn khu vực biển ngày .. tháng .. năm .. của (tên cá nhân)... nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (hoặc Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện...);**Theo đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện...***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Giao khu vực biển cho:.....(Cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển).**- Mục đích sử dụng khu vực biển:****- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:**... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi.... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên Cá nhân Việt Nam) có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc

sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện, (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- UBND huyện...;
- Phòng NN&MT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP CẤP HUYỆN
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ
Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

3. Trả lại khu vực biển cấp huyện (Mã số TTHC: 1.009485)

3.1. Trình tự thực hiện

3.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam đề nghị trả lại khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; trường hợp chưa có Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì nộp hồ sơ tại Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện.

3.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP). Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Phòng Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết, tổ chức kiểm tra thực địa.

3.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính

a) Phòng Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho phép trả lại khu vực biển, kèm theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (trong trường hợp trả lại một phần khu vực biển);

b) Cơ quan có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển xem xét, ra quyết định cho phép trả lại khu vực biển hoặc một phần khu vực biển. Trường hợp không ra quyết định thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi nhận được kết quả giải quyết hồ sơ, có trách nhiệm Thông báo cho Cá nhân Việt Nam đã nộp hồ sơ để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

3.2. Cách thức thực hiện

3.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho đơn vị tiếp nhận hồ sơ.

3.2.3. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại đơn vị tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

3.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị trả lại khu vực biển theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;
- Bản chính Quyết định giao khu vực biển đã được cấp;
- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển;
- Bản đồ khu vực biển (đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực biển) theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

3.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết

3.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

3.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc đối với đề nghị trả lại một phần khu vực biển hoặc trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc đối với đề nghị trả lại toàn bộ khu vực biển, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm thẩm định xong hồ sơ; trường hợp cần thiết trình Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ

chức kiểm tra thực địa (thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc). Thời gian tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ. Thời gian tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị; quá thời hạn này mà cơ quan thẩm định hồ sơ không nhận được văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình của tổ chức, cá nhân thì cơ quan thẩm định hồ sơ gửi thông tin đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ để có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân về việc không giao khu vực biển.

3.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

a) Thời hạn trình hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Phòng Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ.

3.4.4. Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú xác nhận.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

3.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện có biển quyết định trả lại khu vực biển cho Cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

3.6.2. Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan.

3.6.3. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định cho phép trả lại khu vực biển (toàn bộ) theo Mẫu số 07 ban của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP hoặc Quyết định giao khu vực biển mới đổi

với phần diện tích khu vực biển còn lại theo Mẫu số 06 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP); trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 03	Đơn đề nghị trả lại hoặc trả lại một phần khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 07	Quyết định về việc cho phép trả lại khu vực biển (toàn bộ)
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

3.10.1. Cá nhân Việt Nam được trả lại một phần hoặc toàn bộ khu vực biển đã được giao khi không còn nhu cầu sử dụng.

3.10.2. Cá nhân Việt Nam trả lại khu vực biển phải thực hiện các biện pháp phục hồi môi trường biển tại khu vực biển đã được giao theo quy định của pháp luật.

3.10.3. Cá nhân Việt Nam phải nộp đủ hồ sơ trả lại khu vực biển theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 21 Điều 2 Nghị định 65/2025/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 03

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp huyện

Tên Cá nhân Việt Nam

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

- Ngày, tháng, năm sinh ... số Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Số định danh cá nhân... cấp ngày... tháng... năm... do.... cấp ..

- Đề nghị được trả lại khu vực biển theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng... năm .. của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc giao khu vực biển tại khu vực biển tại khu vực... thuộc xã... huyện... tỉnh....

- Hoặc đề nghị được trả lại một phần khu vực biển có diện tích trong tổng số diện tích..... ha được giao theo Quyết định giao khu vực biển số... ngày... tháng... năm .. của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc giao khu vực biển tại khu vực biển tại khu vực... thuộc xã... huyện... tỉnh....

Lý do đề nghị trả lại

(Cá nhân Việt Nam) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn

(Ký tên hoặc điểm chỉ)

Mẫu số 06

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN.... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG/
 ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN...**

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày...tháng...năm...về việc;

Xét đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày ... tháng ... năm ... của (tên tổ chức, cá nhân)... nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính/Trung tâm Phục vụ hành chính công (Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện...);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giao quyền sử dụng khu vực biển cho:..... (tên tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ...m đến...m được giới hạn bởi.... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

2. Cho phép trả lại ... (trường hợp cho phép trả lại một phần khu vực biển).

- Cho phép trả lại khu vực biển có diện tích:... (ha/m²); vị trí, tọa độ khu vực biển trả lại tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

- (Tên tổ chức, cá nhân) ... có trách nhiệm nộp tiền sử dụng khu vực biển đối với phần diện tích ... ha/m² được phép trả lại cho đến ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. (Tên tổ chức, cá nhân)có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.../Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biển theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biển theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số... ngày... tháng... năm... (trong trường hợp sửa đổi, bổ sung, cho phép trả lại một phần khu vực biển).

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Biển và Hải đảo Việt Nam/Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tỉnh,.../Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện, (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- BNNMT/CBHĐVN;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao;
- Bộ, ngành/sở, ban, ngành/phòng, ban, cơ quan có liên quan;
- Sở NNMT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- UBND huyện..;
- Phòng NNMT..;
- Tên tổ chức, cá nhân;
- Lưu: VT, HS.

**BỘ TRƯỞNG/
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)**

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép trả lại khu vực biển**ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;**Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;**Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;**Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại khu vực biển của (tên cá nhân)**Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Cho phép (tên Cá nhân Việt Nam) được trả lại khu vực biển hoặc trả lại một phần khu vực biển với diện tíchha trên tổng số diện tích khu vực biển đã giao là ...ha theo Quyết định giao khu vực biển số ... ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Địa chỉ:**Điều 2.** Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, (tên Cá nhân Việt Nam) phải chấm dứt hoạt động sử dụng khu vực biển và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo tình hình, kết quả hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển; công tác bảo vệ môi trường biển trong thời gian sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện các biện pháp cải thiện, phục hồi môi trường tại khu vực biển được giao sử dụng và các nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

3.....

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường và tổ chức, cá nhân... có liên quan có trách nhiệm đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT tỉnh ...;
- Cục Thuế tỉnh....;
- UBND huyện...;
- Phòng NN&MT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP CẤP HUYỆN
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ
Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Mẫu số 12
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi:

I. Phần chung

1. Tên cá nhân sử dụng khu vực biển:

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:

- Tổng vốn đầu tư:

- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:

- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).

- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).

- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

STT	Mục đích/ hoạt động sử dụng	Diện tích khu vực biển	Tọa độ khu vực biển			Thời gian sử dụng khu vực biển		Ghi chú
			Kinh tuyến trực... múi chiều...			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Sử dụng khu vực biển để...	... ha/m ²	STT	X	Y		-	
			1	...	...			
			2	...	...			
2	...	...	...	...	...	...	...	...

4. Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cấp huyện (Mã số TTHC: 1.009486)

4.1. Trình tự thực hiện

4.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam có nhu cầu sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển nộp 01 bộ hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; trường hợp chưa có Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì nộp hồ sơ tại Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện.

4.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP). Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện thẩm định hồ sơ; trường hợp cần thiết tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc). Thời gian tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ

4.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Phòng Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ra quyết định giao khu vực biển kèm theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP. Trong trường hợp không ra quyết định phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo cho cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

4.2. Cách thức thực hiện

4.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

4.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho Cá nhân Việt Nam.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

4.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 11/2021/NĐ/CP;

- Quyết định giao khu vực biển đã được cấp (bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử);

- Bản sao văn bản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận thể hiện nội dung quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

4.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết

4.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

4.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ: Không quá 30 ngày làm việc kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp cần thiết tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc. Thời gian tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

4.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ

Thời hạn trình hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc,

kể từ ngày Phòng Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ.

Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cá nhân Việt Nam chuyển đổi từ nghề khai thác ven bờ sang nuôi trồng thủy sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thường trú trên địa bàn mà nguồn sống chủ yếu dựa vào thu nhập từ nuôi trồng thủy sản được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú xác nhận

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

4.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản cho Cá nhân Việt Nam theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

4.6.2. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan.

4.6.3. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định về việc giao khu vực biển theo Mẫu 06 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP; trường hợp không ra quyết định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 04	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định giao khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

4.10.1. Quyết định giao khu vực biển được xem xét sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi thông tin của Cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển

nhưng không làm thay đổi về sở hữu của Cá nhân Việt Nam trừ trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này;

b) Thay đổi về sở hữu của Cá nhân Việt Nam đã được giao khu vực biển trong trường hợp nếu Cá nhân Việt Nam đã chết mà có người thừa kế;

c) Thay đổi về độ sâu; chiều cao công trình, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao do đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm được điều chỉnh; tăng diện tích sử dụng khu vực biển trong trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc điều chỉnh văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển; thay đổi diện tích khu vực biển đã được giao trong trường hợp một phần khu vực biển bị thu hồi để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định của pháp luật.

4.10.2. Cá nhân Việt Nam phải nộp đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

4.10.3. Đến thời điểm đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, Cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Quyết định giao khu vực biển còn hiệu lực.

4.10.4. Việc sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển được thể hiện bằng Quyết định giao khu vực biển mới. Thời hạn giao khu vực biển là thời hạn còn lại của Quyết định giao khu vực biển trước đó.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH GIAO KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp huyện...

Tên cá nhân

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Số định danh cá nhân...cấp ngày...tháng...năm...do....cấp.

Đề nghị được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển số, ngày tháng năm của: Ủy ban nhân dân cấp huyện... về việc giao khu vực biển tại khu vực... thuộc xã..., huyện....

Lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển:

Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:.....

(Tên cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn
(Ký tên hoặc điểm chỉ)

Mẫu số 06

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Số:...../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN ...

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số...ngày..tháng..năm..về việc;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị giao khu vực biển ngày .. tháng .. năm .. của (tên cá nhân)... nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (hoặc Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện...);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao khu vực biển cho:.....(Cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ

khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ....m đến....m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên Cá nhân Việt Nam) có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu vực biên theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biên theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện, (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT cấp tỉnh ...;
- UBND huyện. ...;
- Phòng TNMT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP CẤP HUYỆN
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ
Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

5. Công nhận khu vực biển cấp huyện (Mã số TTHC: 1.009482)

5.1. Trình tự thực hiện

5.1.1. Bước 1 nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật trước ngày 15 tháng 7 năm 2014 và đang sử dụng khu vực biển mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển, giao khu vực biển theo quy định của pháp luật thì nộp 01 bộ hồ sơ cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; trường hợp chưa có Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì nộp hồ sơ tại Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện.

5.1.2. Bước 2 kiểm tra hồ sơ: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại Bước 1 có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP). Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

5.1.3. Bước 3 thẩm định hồ sơ: Phòng Nông nghiệp và Môi trường thẩm định hồ sơ. Trường hợp cần thiết tổ chức kiểm tra thực địa.

5.1.4. Bước 4 trình, ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Phòng Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét công nhận khu vực biển bằng Quyết định giao khu vực biển kèm theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP. Trong trường hợp không ra quyết định thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5.1.5. Bước 5 thông báo và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (hoặc Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện) thông báo cho Cá nhân Việt Nam để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

5.2. Cách thức thực hiện

5.2.1. Cách thức nộp hồ sơ: Cá nhân Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

5.2.2. Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ: Nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc bằng hồ sơ, tài liệu điện tử cho Cá nhân Việt Nam.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

5.3.1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị công nhận khu vực biển (được lập theo Mẫu số 01 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP));

- Bản chính hợp đồng cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP; bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử văn bản có chứng thực cho phép tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP;

- Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển;

- Bản đồ khu vực biển theo Mẫu số 05 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

5.3.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết

5.4.1. Thời hạn kiểm tra hồ sơ:

a) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);

b) Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).

5.4.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ: Không quá 10 ngày làm việc kể từ nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Phòng Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định xong hồ sơ; trường hợp cần thiết tổ chức kiểm tra thực địa (thời gian kiểm tra thực địa không quá 10 ngày làm việc). Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ. Thời gian tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị; quá thời hạn này mà cơ quan thẩm định hồ sơ không nhận được văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình của tổ chức, cá nhân thì cơ quan thẩm định hồ sơ gửi thông tin đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ để có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân về việc không giao khu vực biển.

5.4.3. Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:

a) Thời hạn trình hồ sơ: Không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định;

b) Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: Không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày Phòng Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ;

d) Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: Không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận khu vực biển bằng Quyết định giao khu vực biển.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân Việt Nam.

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

5.6.1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện có biển quyết định công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản cho Cá nhân Việt Nam theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP.

5.6.2. Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan.

5.6.3. Cơ quan phối hợp: Các ngành và các đơn vị có liên quan.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định về việc giao khu vực biển theo Mẫu 06 ban hành kèm theo Phụ lục của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP; trường hợp không ra quyết định phải

có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính

Mẫu số	Tên mẫu
Mẫu số 01	Đơn đề nghị công nhận khu vực biển để nuôi trồng thủy sản
Mẫu số 05	Bản đồ khu vực biển
Mẫu số 06	Quyết định về việc giao khu vực biển
Mẫu số 10	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
Mẫu số 12	Báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

5.10.1. Cá nhân Việt Nam đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cấp văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển theo quy định của pháp luật trước ngày 15 tháng 7 năm 2014 và đang sử dụng khu vực biển mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất có mặt nước ven biển, mặt nước biển, giao khu vực biển theo quy định của pháp luật.

5.10.2. Hạn mức giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản không quá 05 ha.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp huyện...

Tên tổ chức, cá nhân

Trụ sở/địa chỉ tại:

Điện thoại: Fax:

Ngày, tháng, năm sinh ... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày ... tháng ... năm ... do ... cấp (nếu là cá nhân).

Đề nghị được giao/công nhận hoạt động sử dụng khu vực biển tại xã ..., huyện..., tỉnh ...

Mục đích sử dụng, hoạt động: (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển) ...

Diện tích khu vực biển đề nghị sử dụng: ... (ha/m²), độ sâu sử dụng: ... m, từ ... m đến ... m; được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ ...; độ cao công trình, thiết bị đề nghị sử dụng so với mặt nước biển ... m được thể hiện trên bản đồ/sơ đồ khu vực biển.

Thời hạn đề nghị sử dụng khu vực biển từ ... (tháng/năm) đến ... (tháng/năm).

Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển ... (hàng năm/một lần cho 05 năm/một lần cho cả thời hạn giao khu vực biển) hoặc đề nghị không thu tiền sử dụng khu vực biển (nếu thuộc các trường hợp không phải nộp tiền sử dụng khu vực biển):

(Tên tổ chức, cá nhân) ... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về sử dụng khu vực biển và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

....., ngày ... tháng ... năm

Cá nhân Việt Nam làm đơn

(Ký tên; đóng dấu hoặc điểm chỉ)

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..../QĐ-UBND

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao khu vực biển

ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN ...

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển; Nghị định số 65/2025NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền số..ngày..tháng..năm..về việc ..;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị công nhận khu vực biển ngày .. tháng .. năm .. của (tên cá nhân)... nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (hoặc Phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện...);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao khu vực biển cho:.....(Cá nhân Việt Nam được giao khu vực biển).

- Mục đích sử dụng khu vực biển:

- Khu vực biển được phép sử dụng có diện tích:... (ha/m²), vị trí, tọa độ khu vực biển, độ sâu được phép sử dụng:...m từ....m đến....m được giới hạn bởi..... điểm góc; độ cao công trình, thiết bị được phép sử dụng so với mặt nước biểnm (nếu có) thể hiện trên bản đồ khu vực biển kèm theo Quyết định này).

- Phương tiện, thiết bị được phép sử dụng (nếu có); hoạt động khoan, đào được phép thực hiện (nếu có).

- Thời hạn được giao khu vực biển kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến ngày... tháng... năm...

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp:..... hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển:....

- (các nội dung khác nếu có)

Điều 2. (Tên Cá nhân Việt Nam) có nghĩa vụ:

1. Sử dụng khu vực biển được giao đúng mục đích, ranh giới, diện tích, độ sâu, độ cao, thời hạn được quy định trong Quyết định giao khu vực biển; không lấn, chiếm biển; không vi phạm quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Không được tiến hành hoạt động ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển; không gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường biển, hệ sinh thái biển; không làm ảnh hưởng, cản trở các hoạt động giao thông trên biển; không cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khảo sát, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường biển và hoạt động hợp pháp khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trong vùng biển Việt Nam.

3. Bảo vệ môi trường biển; báo cáo tình hình sử dụng khu vực biển được giao định kỳ một năm một lần cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển; không cung cấp thông tin về khu vực biển trái quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nộp tiền sử dụng khu vực biển theo quy định của pháp luật; chỉ được sử dụng khu vực biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Không được chuyển nhượng, thế chấp, góp vốn, cho thuê quyền sử dụng khu vực biển được giao (trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản).

6. Không được khai thác, sử dụng tài nguyên biển ở khu vực biển khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao khu vực biển.

7. Chấp hành Quyết định thu hồi khu vực biển đã giao của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các nghĩa vụ khác

Điều 3. Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này, bảo đảm việc sử dụng khu

vực biên theo đúng quy định tại Điều 1 của Quyết định này và theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan.

Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị khác có liên quan...

Điều 4.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Việc sử dụng khu vực biên theo Quyết định này, (tên tổ chức, cá nhân)... chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường cấp huyện, (tên tổ chức, cá nhân) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều....;
- Sở NN&MT cấp tỉnh ...;
- UBND huyện. ...;
- Phòng TNMT..;
- Tên Cá nhân Việt Nam;
- Lưu: VT, HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

BẢN ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện (mục đích/loại hoạt động khai thác, sử dụng biển)....

Mẫu số 05

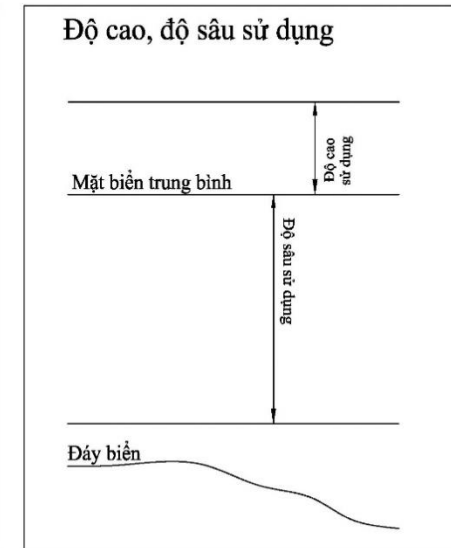
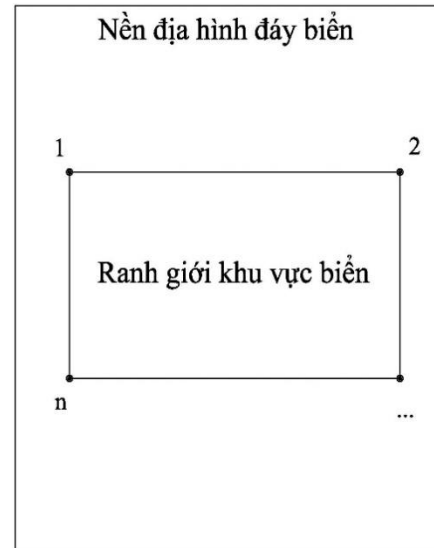
Điểm	Hệ tọa độ VN-2000	
	Kinh tuyến trực... múi chiều...	
	Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
n		

Diện tích khu vực biển sử dụng (ha/m ²)	
Độ sâu khu vực biển sử dụng (m)	
Độ cao khu vực biển sử dụng (m) (nếu có)	

Ghi chú: Bản đồ khu vực biển phải thể hiện các thông tin sau:

- Ranh giới, diện tích, độ sâu khu vực biển sử dụng.
- Độ cao công trình, thiết bị sử dụng so với mặt nước biển.....(m).
- Vị trí khu vực biển cách bờ (đất liền hoặc đảo).... km.
- Tại khu vực biển, cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh ...
- Các tọa độ vuông góc, diện tích được ghi đến độ chính xác sau dấu phẩy 2 chữ số.

ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP BẢN ĐỒ (nếu có)
(Ký tên, đóng dấu)



- Tỷ lệ... được trích lục từ tờ Bản đồ địa hình (tên bản đồ - nếu có) Phiên hiệu... Tỷ lệ... Hệ tọa độ... Kinh tuyến trực... múi chiều... Hệ độ cao... được ... xuất bản năm... hoặc tờ Hải đồ (trong trường hợp chưa có bản đồ địa hình đáy biển ở tỷ lệ thích hợp) Phiên hiệu... Tỷ lệtại vĩ tuyến... Phép chiếu... Hệ quy chiếu... Độ sâu theo.... được... xuất bản năm...)
- Độ cao, độ sâu đề nghị sử dụng tính theo Hệ độ cao...

Chú giải:

 Khu vực biển sử dụng

 Đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm

 Đường 3 hải lý (nếu có)  Đường 6 hải lý (nếu có)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Chữ ký số của tổ chức (nếu
là biểu mẫu điện tử)

Mẫu số 10

UBND CẤP CẤP HUYỆN
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH
CÔNG (hoặc) BỘ PHẬN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

Số:...../TTPVHCC-BPTNTKQ

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ
Mã hồ sơ:.....

Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả ...

Tiếp nhận hồ sơ của:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết:

Thành phần hồ sơ nộp(bộ) gồm:

1.....

2.....

3.....

4.....

.....

Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

Thời hạn trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng ... năm...

(Trường hợp kéo dài thời hạn kết quả do chỉnh sửa, bổ sung chuyên môn của hồ sơ hoặc lý do khác, Văn phòng sẽ gửi thông báo để tổ chức, cá nhân biết).

* Đề nghị mang Phiếu này khi giao dịch với Văn phòng một cửa tiếp theo.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ
(Ký và ghi rõ họ tên)
(Chữ ký số của người tiếp nhận hồ sơ nếu
là biểu mẫu điện tử)

Ghi chú: Trường hợp chưa thiết lập được Hệ thống thông tin một cửa điện tử, Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả được lập thành 02 liên; một liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg; một liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm phục vụ hành chính công/Bộ phận Một cửa.

Mẫu số 12

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KHU VỰC BIỂN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp huyện...

I. Phần chung

1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng khu vực biển:

Ngày, tháng, năm sinh... số chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân ... cấp ngày... tháng... năm ... do... cấp (nếu là cá nhân)

2. Địa chỉ: Điện thoại: Fax:

II. Tình hình hoạt động sử dụng khu vực biển từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày... tháng ... năm ...

1. Quyết định giao khu vực biển (thứ nhất)

A. Thông tin về Quyết định giao khu vực biển (nếu có)

- Cơ quan giao khu vực biển.....

- Mục đích sử dụng.....

- Vị trí, tọa độ khu vực biển sử dụng; diện tích khu vực biển sử dụng:...(ha/m²); độ cao sử dụng...; độ sâu sử dụng....

- Thời hạn được giao khu vực biển: (tháng, năm), trong đó thời gian đã sử dụng khu vực biển ... (tháng, năm).

- Số tiền sử dụng khu vực biển phải nộp.... Hình thức nộp tiền sử dụng khu vực biển.

B. Các hoạt động sử dụng biển

- Tên hoạt động:

- Mục đích hoạt động:.....

- Quy mô hoạt động:

- Tổng vốn đầu tư:

- Tiến độ thực hiện các hoạt động đến thời điểm báo cáo:

- Các công trình, hoạt động sử dụng biển trên khu vực biển được giao (Theo mẫu Phụ lục kèm theo).

- Công tác bồi thường và hỗ trợ ổn định sinh kế cho người dân, tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động sử dụng biển (nếu có).

- Tổng số tiền sử dụng khu vực biển theo thông báo của cơ quan thuế, trong đó: Số tiền sử dụng khu vực biển đã nộp... Số tiền sử dụng khu vực biển còn nợ... (nếu có).

C. Đánh giá tình hình sử dụng khu vực biển

- Đánh giá sự phù hợp của hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển tại khu vực biển được giao với quy luật tự nhiên và chức năng sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá khả năng tiếp cận của người dân với biển trong quá trình sử dụng khu vực biển.

- Đánh giá, mâu thuẫn, xung đột giữa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên khu vực biển được giao với các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển khác trong khu vực biển. Tác động, ảnh hưởng của hoạt động sử dụng biển với các hoạt động khác trong khu vực.

- Kết quả quan trắc môi trường tại khu vực biển được giao. Việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên biển và các vấn đề khác có liên quan.

- Hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động sử dụng khu vực biển.

2. Quyết định giao khu vực biển thứ hai (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

3. Tình hình sử dụng khu vực biển theo các văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển hoặc đất có mặt nước ven biển (nếu có)

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên).

III. Thuận lợi, khó khăn, đề xuất, kiến nghị

.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục
THỐNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH, HOẠT ĐỘNG SỬ DỤNG BIỂN
TRÊN KHU VỰC BIỂN ĐƯỢC GIAO

STT	Mục đích/ hoạt động sử dụng	Diện tích khu vực biển	Tọa độ khu vực biển			Thời gian sử dụng khu vực biển		Ghi chú
			Kinh tuyến trực... múi chiều...			Bắt đầu	Kết thúc	
1	Sử dụng khu vực biển để...	... ha/m ²	STT	X	Y		-	
			1	...	...			
			2	...	...			
2	...	...	...	...	...	...	...	...